

Tiêu chí 16.2
H 16.16 02.02

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3915-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:

Tên văn bằng : **Cử nhân Ngôn ngữ Anh**

Tên chương trình : **Ngôn ngữ Anh**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Ngôn ngữ Anh** Mã số: **7220201**

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Khoa Ngoại ngữ

1.1. Sứ mạng

- *Sứ mạng của Học viện*: Là trường Đảng, trường đại học trọng điểm quốc gia, Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

- *Sứ mạng của Khoa Ngoại ngữ*: Đào tạo ngoại ngữ cho các chuyên ngành; đào tạo nguồn nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh chất lượng cao, có khả năng đảm nhận các vị trí công tác sử dụng Tiếng Anh trong các lĩnh vực, đặc biệt là báo chí và truyền thông; có năng lực dẫn dắt, tạo ra những thay đổi trong ngành; có khát vọng cống hiến và có tác động tích cực tới sự phát triển của bản thân và cộng đồng, phù hợp với xu thế thời đại.

Tầm nhìn

- *Tầm nhìn của Học viện*: Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới. Học viện phấn đấu trở thành:

- Trường đại học hàng đầu của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

- Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

- Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2035; cơ sở đào tạo và

ngiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

- *Tầm nhìn của khoa Ngoại ngữ*: Đến năm 2035, Khoa Ngoại ngữ trở thành Khoa có uy tín cao trong đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Định hướng phát triển là:

- Lựa chọn hàng đầu của người học về Ngôn ngữ Anh;
- Xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, có trình độ về chuyên môn, có năng lực ngoại ngữ và có lòng say mê nghề nghiệp, xây dựng các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia.

- Đào tạo và nghiên cứu, tư vấn chính sách trong lĩnh vực ngoại ngữ nói chung và Ngôn ngữ Anh nói riêng

1.3. Giá trị cốt lõi

- *Giá trị cốt lõi của Học viện*:

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện

Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Nhà trường, hướng tới xây dựng văn hóa và truyền thống chất lượng.

Cống hiến: là thước đo, lối sống và lý tưởng của mọi cán bộ hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Nhà trường.

- *Giá trị cốt lõi của khoa Ngoại ngữ*:

Năng động: linh hoạt, đáp ứng kịp thời xu hướng của thời đại mới

Sáng tạo: tư duy đổi mới, nỗ lực tạo ra những giá trị mới

Đồng thuận: thống nhất ý chí và hành động vì mục tiêu chung và vì sự phát triển

Nhiệt huyết: sẵn sàng tham gia các hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao nhất

Chất lượng: hướng tới chất lượng đạt chuẩn quốc tế

Slogan: Nâng tầm trí tuệ - Vươn tới giá trị toàn cầu

2. Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có các kiến thức và kỹ năng nền tảng cũng như chuyên ngành; có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề; có tư duy phân tích, phản biện; có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác trong ngành Ngôn ngữ Anh, đặc biệt là công tác dịch thuật và biên tập Tiếng Anh trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. Đồng thời cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng thích ứng linh hoạt với các môi trường làm việc khác nhau; có bản lĩnh chính

trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1. Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

PO2. Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Biên dịch ngôn ngữ Anh;

PO3. Có đủ trình độ ngoại ngữ 2 để làm việc và học tập; đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc học sau đại học.

PO4. Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, ngữ pháp, ngữ âm, ngôn ngữ học đối chiếu, và lý thuyết dịch, và văn phong báo chí, văn học và văn hóa Anh-Mỹ

PO5. Có kiến thức chuyên sâu về dịch thuật nói chung và biên dịch ăn bản nói riêng.

PO6. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và các lĩnh vực chuyên môn khác.

PO7. Có kỹ năng nhận diện được sự tương đồng và khác biệt giữa hệ thống ngôn ngữ và văn hóa giữa tiếng Anh và tiếng Việt

PO8. Có kỹ năng dịch thuật, biên tập trong các lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, ứng dụng công nghệ trong dịch thuật

PO9. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

PO10. Có kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;

PO11. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

PO12. Có khả năng thích ứng cao để có thể đảm nhiệm công việc tại các cơ quan đơn vị có liên quan đến báo chí và truyền thông, cũng như các cơ quan có mối quan hệ hợp tác quốc tế trong mọi lĩnh vực như chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội...

PO13. Có kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề dịch thuật, ngôn ngữ, văn hoá hoặc văn hoá – văn minh của các nước Cộng đồng Anh ngữ.

PO14. Có lập trường giai cấp vững vàng, lý tưởng cộng sản, bản lĩnh chính trị, tin tưởng tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

PO15. Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao; say mê nghề nghiệp; có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, sáng tạo.

2.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, người học có thể

Kiến thức

Kiến thức chung

PLO1. Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

PLO 2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội và ngôn ngữ.

PLO 3. Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

Kiến thức chuyên biệt của ngành

PLO 4. Vận dụng được kiến thức về các lĩnh vực ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, âm vị học, v.v; các kiến thức về văn hoá, văn học và phương pháp dạy học vào giải quyết vấn đề trong các hoạt động chuyên môn;

PLO 5. Vận dụng sáng tạo các kiến thức về dịch thuật, bao gồm các cách tiếp cận, phương pháp và kỹ thuật dịch vào quá trình biên, phiên dịch, biên tập, đánh giá bản dịch và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn dịch thuật;

PLO 6. Vận dụng sáng tạo các kiến thức về ngôn ngữ, văn phong báo chí; kiến thức về các lĩnh vực chuyên ngành trong quá trình biên, phiên dịch;

Kỹ năng

Kỹ năng chung

PLO 7. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ 2 bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

PLO 8. Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Kỹ năng chuyên biệt

PLO 9. Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong lĩnh vực chuyên môn.

PLO 10. Kỹ năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;

PLO 11. Kỹ năng biên dịch thành thạo và giải quyết vấn đề trong dịch thuật, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí và truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm cơ bản trong dịch thuật;

PLO 12. Kỹ năng đánh giá chất lượng bản dịch, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí và truyền thông.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO 13. Năng lực giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

PLO 14. Năng lực phân tích, phản biện, tổng hợp thông tin và giải quyết vấn đề; tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

PLO 15. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, sáng tạo;

2.3. Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:

- Biên tập viên, biên dịch viên tại các cơ sở biên, phiên dịch tiếng Anh như các đài phát thanh, truyền hình, nhà xuất bản, thư viện, các sở, ban, ngành, viện nghiên cứu, hãng hàng không, cơ quan ngoại giao, các công ty liên doanh với nước ngoài, các công ty nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam, các cơ quan đơn vị có sử dụng tiếng Anh.

- Cán bộ chuyên môn tại các cơ sở nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá, văn học.
- Cán bộ tại các cơ sở giáo dục, đào tạo có liên quan đến ngoại ngữ
- Hướng dẫn viên Tiếng Anh tại các công ty du lịch và lữ hành

3. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

3.1. Tiêu chí tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Ngôn ngữ Anh nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

-Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Quá trình đào tạo

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

3.3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

4. Hình thức, phương pháp dạy học

Chương trình đào tạo áp dụng đa dạng phương pháp dạy học theo các cách tiếp cận dạy học tương tác, trải nghiệm và dựa trên nghiên cứu. Theo đó, các phương pháp dạy học chủ đạo trong chương trình bao gồm thuyết giảng, các hoạt động tương tác, làm việc theo nhóm, thuyết trình, thảo luận chuyên đề, thực hành, dự án, thực tế, thực tập, v.v. Các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, tự chủ của người học nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, phát triển các kỹ năng tư duy bậc cao, kỹ năng thực hành, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Đồng thời

các hoạt động học tập cũng phát triển năng lực nghiên cứu, tự học; năng lực giao tiếp, thuyết trình; năng lực hợp tác, làm việc nhóm, v.v

5. Kiểm tra đánh giá

5.1. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

5.2. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá học phần

1. Đánh giá ý thức

Đánh giá quá trình tham gia của sinh viên trên lớp cũng như hoàn thành các yêu cầu về nhà, bao gồm việc thực hiện giờ giấc trên lớp, tham gia xây dựng bài, thảo luận, làm việc theo yêu cầu của giảng viên.

2. Đánh giá định kỳ và kết thúc học phần

a. Thi, kiểm tra trắc nghiệm

Các dạng kiểm tra ngắn, kiểm tra trắc nghiệm là hình thức kiểm tra khách quan, bao gồm: câu hỏi trắc nghiệm, chọn đúng/sai, hoàn thành, nối ý, v.v.

b. Thi, kiểm tra tự luận

Một số học phần sử dụng hình thức kiểm tra tự luận nhằm đánh giá mức độ hiểu, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức và liên hệ giữa lý luận và thực tiễn.

b. Thi, kiểm tra vấn đáp

Một số học phần sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp nhằm đánh giá kỹ năng giao tiếp lời nói, khả năng hiểu và vận dụng kiến thức.

c. Đánh giá thuyết trình

Trong một số môn học thuộc CTĐT của ngành, sinh viên được yêu cầu làm theo nhóm để thuyết trình về một chủ đề cụ thể, hoặc thuyết trình sản phẩm của dự án. Phương pháp này không chỉ đánh giá các kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà cả các kỹ năng chung như giao tiếp, thuyết trình, thương lượng, lãnh đạo nhóm.

d. Đánh giá tiểu luận

Tiểu luận là một phương pháp đánh giá phổ biến trong CTĐT. Phương pháp này đánh giá được kỹ năng tư duy bậc cao như phân tích, tổng hợp, đánh giá; kiến thức và khả năng hiểu biết sâu về chủ đề; kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng viết học thuật

e. Đánh giá dự án, sản phẩm

Dự án là hoạt động đòi hỏi sinh viên phải thực hiện dựa trên nghiên cứu trong một thời gian, có thể ngắn hoặc dài tùy thuộc quy mô dự án. Dự án có thể được thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm, sản phẩm có thể là báo cáo dự án, thiết kế, tác phẩm, sản phẩm, v.v.

Hình thức đánh giá này có thể đánh giá được toàn diện các năng lực đầu ra khác nhau một cách linh hoạt, bao gồm khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng trong thực tiễn, khả năng quản lý và quản lý thời gian, khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập.

f. Bài tập lớn

Các bài tập lớn yêu cầu sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào nghiên cứu, phân tích, thực hành, giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đối với những môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, bài tập lớn là một trong những hình thức đánh giá phổ biến nhằm kiểm tra đánh giá các kỹ năng tư duy bậc cao, khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

g. Báo cáo thực tế/thực tập

Các loại báo cáo có thể là báo cáo thí nghiệm, quá trình thực địa, báo cáo về các nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, báo cáo dự án, v.v. Báo cáo được viết dựa trên việc thu thập và phân tích thông tin, sử dụng phương pháp nghiên cứu nhất định, đưa ra kết luận và đề xuất.

Hình thức đánh giá này có thể đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Đồng thời cũng có khả năng đánh giá các kỹ năng như sử dụng vi tính và khả năng nghiên cứu, tìm kiếm thông tin. Trước khi sử dụng hình thức đánh giá này cần dạy sinh viên kỹ năng viết báo cáo, hình thức báo cáo, ví dụ về báo cáo đạt tốt yêu cầu và báo cáo chưa đạt yêu cầu.

Đánh giá khóa luận tốt nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp là hình thức đánh giá đòi hỏi sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành đào tạo, vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học trong chương trình và các kỹ năng tư duy phân tích, phê phán, đánh giá; kỹ năng nhận diện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ viết, vv.

6. Cấu trúc chương trình dạy học

6.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương	41
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18

- Tin học	3
- Ngoại ngữ 2 (<i>tự chọn</i>)	12/24
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89
- Kiến thức cơ sở ngành	31
<i>Bắt buộc:</i>	16
<i>Tự chọn:</i>	15/45
- Kiến thức ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	17
Kiến tập nghề nghiệp	3
<i>Tự chọn:</i>	9/27
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	15
Thực tập tốt nghiệp	4
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	4/12
Tổng	130

6.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Học phần tiên quyết
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				41	
1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh				11	
1.	TM01012	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác - Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải	2,0 (1,5:0,5)	

		Nam	phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.		
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	2,0 (1,5:0,5)	
1.2. Khoa học xã hội và nhân văn				15	
<i>Bắt buộc</i>				9	
6.	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ	2,0 (1,5:0,5)	

			chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.		
9.	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
10.	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5 : 0,5)	
11.	TT01002	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5 : 0,5)	
12.	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, người học nâng cao phong kiến thức về văn hoá thế giới trong hội nhập và phát triển để xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của lịch sử.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	ĐC01006	Ngôn ngữ học	Những kiến thức cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học	2,0	

		đại cương	đại cương và trong báo chí – truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong môi quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	(1,5:0,5)	
14.	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và mang tính hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế trong đó có UN, ASEAN; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
15.	QQ01002	Quan hệ công chúng	Trang bị cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, những kiến thức về khái niệm, vai trò, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động quan hệ công chúng bao gồm kỹ năng lập kế hoạch, xử lý khủng hoảng, quan hệ báo chí và tổ chức sự kiện. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, kỹ năng vận dụng công cụ quan hệ công chúng vào các lĩnh vực chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn xã hội học như: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học; Các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra	2,0 (1,5:0,5)	

			xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn – đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.		
17.	TG01006	Tâm lý học đại cương	Những kiến thức cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người, quy luật và các cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý như nhận thức, tình cảm, ý chí của cá nhân; khái niệm nhân cách, các thành tố trong cấu trúc nhân cách và con đường hình thành và phát triển nhân cách.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	TM01003	Đạo đức học	Nội dung học phần gồm quy luật hình thành phát triển của đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức học, các phẩm chất đạo đức cá nhân và các giá trị đạo đức truyền thống. Người học rút ra ý nghĩa, bài học để vận dụng vào thực tiễn nhằm điều chỉnh suy nghĩ và hoạt động con người theo nguyên tắc hướng tới chân, thiện, mỹ.	2,0 (1,5:0,5)	
1.3. Tin học				3	
19.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin, sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel...), thiết kế trình chiếu (Microsoft Powerpoint...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng	3,0 (1,0:2,0)	
1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Trung hoặc tiếng Pháp)				12/24	
20.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn	4,0 (2,0:2,0)	

			luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.		
21.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				89	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				31	
<i>Bắt buộc</i>				<i>16</i>	
23.	NN02701	Nghe 1	Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nhận biết các âm và tổ hợp âm cơ bản, kỹ năng sử dụng hệ thống phiên âm quốc tế, và các kỹ thuật cần thiết trong việc nhận diện ý nghĩa lời nói qua âm thanh; Giúp sinh viên phát triển, rèn luyện các kỹ năng nghe hiểu cơ bản, bao gồm có thể hiểu được các thông tin đơn giản và xác định được ý chính trong các bài nói về các chủ đề liên quan tới cuộc sống, công việc; có thể theo dõi và hiểu được dàn ý của các bài nói ngắn, các bài giảng ngắn; có thể hiểu và làm theo các	4,0 (2.0 : 2.0)	

			thông tin hướng dẫn, từ đó có phản xạ phù hợp trong các tình huống giao tiếp thông thường trong cuộc sống và công việc, tạo tiền đề cho sự phát triển tốt các kỹ năng nghe hiểu trong các tình huống giao tiếp và giao tiếp học thuật trong nhà trường.		
24.	NN02702	Nói 1	Người học được cung cấp kiến thức các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, rèn luyện kỹ năng phản xạ phù hợp trong các tình huống giao tiếp thông thường, trình bày quan điểm về các vấn đề trừu tượng, phức tạp, yêu cầu người học thể hiện khả năng bảo vệ quan điểm của mình và tranh luận mang tính phản biện ý kiến của người đối thoại.	4,0 (2,0 : 2,0)	
25.	NN02703	Đọc 1	Học phần được chia thành 12 bài với các chủ điểm khác nhau có nội dung liên quan đến các vấn đề cập nhật trong xã hội hiện đại ngày nay như du học, giải trí, biến đổi khí hậu, v.v. Học phần tập trung chủ yếu vào các kỹ năng đọc ở trình độ trung cấp. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể áp dụng vào việc đọc hiểu các văn bản tiếng Anh, cũng như việc học tập những môn học tiếp theo.	4,0 (2,0 : 2,0)	
26.	NN02704	Viết 1	Học phần Viết 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: <p>Cách viết hoàn chỉnh một đoạn văn trong tiếng Anh từ cách viết câu chủ đề (mở đầu đoạn văn), phát triển ý tưởng (thân bài của đoạn văn) cho đến cách kết thúc đoạn văn (phần kết đoạn). Thực hành viết các loại đoạn văn khác nhau như mô tả, kể chuyện, so sánh, trình bày ý kiến.</p> <p>Cách viết một bài luận ngắn hoặc vừa bằng tiếng Anh, đảm bảo có kết cấu mở bài, thân bài, kết luận. Cách diễn đạt và sắp</p>	4,0 (2,0 : 2,0)	

			xếp ý tưởng theo phong cách viết của tiếng Anh. Kỹ năng cơ bản để viết một bài luận đúng hình thức, thể loại; vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng để diễn đạt ý tưởng một cách đầy đủ và có logic; Những kiến thức căn bản trong việc tổ chức và phát triển ý tưởng khi viết một bài luận; hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng viết bài luận có độ dài khoảng 500 từ thuộc các thể loại: Miêu tả, tường thuật, nguyên nhân – kết quả, so sánh đối chiếu, phát biểu ý kiến.		
Tự chọn				<i>15/45</i>	
27.	NN02705	Nghe 2	Học phần bao gồm các nội dung về phát triển các kỹ năng năng nghe trong môi trường học thuật và trong môi trường giao tiếp, thu nhận thông tin hàng ngày. Sinh viên luyện tập các kỹ năng như kỹ năng ghi chú, kỹ năng phán đoán từ, kỹ năng nghe lấy ý chính, kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết. Định dạng bài nghe bao gồm nghe giao tiếp hàng ngày, hội thoại trao đổi, bài nói chuyện, bài giảng, tin ngắn. Tốc độ bài nghe gần với tốc độ người bản xứ, giọng nói đa dạng tương đương trình độ B2.	3 (2,0 :1,0)	NN02701
28.	NN02706	Nói 2	Các kiến thức trong giáo trình căn cứ dựa theo khung CEFR, hỗ trợ cải thiện việc thiết lập, củng cố kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống của cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Trong học phần này, người học không chỉ được rèn luyện phát âm, sửa các âm khó, được luyện cách thể hiện quan điểm cá nhân, bảo vệ quan điểm, thảo luận, tranh luận, đàm phán, phản biện, mà còn được hướng dẫn phương pháp tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình, phục vụ cho công việc sau này.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02702

29.	NN02707	Đọc 2	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về việc vận dụng các kỹ năng chính trong quá trình đọc và nhận biết thông tin trong văn bản báo chí và phong cách viết của tác giả nhằm mục đích hiểu được ý chính của bài đọc và thái độ của người viết, tóm tắt các nội dung văn bản cũng như nhận biết và thể hiện được ý chính của văn bản và thông điệp của tác giả.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02703
30.	NN02708	Viết 2	Học phần này gồm 2 phần. Phần 1 giới thiệu các nội dung như dạng thức, từ vựng, ngữ pháp, cách diễn của thư thân mật, thư xin việc, thương mại, thư giới thiệu, và sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh. Phần 2 bao gồm những đặc điểm cơ bản của viết tin: các dạng tin, tiêu chí viết tin đúng, yêu cầu đối với tin tức báo chí, câu chúc, nguyên tắc về độ dài của tin, từ vựng và ngữ pháp, cách thu thập nguồn để viết tin, sử dụng nguồn cho một bài báo.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02704
31.	NN02709	Tiếng Anh nâng cao	Cung cấp kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ cao và định hướng cách làm các dạng bài thi tiếng Anh trong nước và quốc tế phổ biến như CAE, IELTS. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng bài tập và cách viết biểu đồ cũng như ôn lại các thể loại văn viết luận; giúp sinh viên nhận biết các dạng bài đọc viết biểu đồ IELTS và bước đầu rèn luyện theo từng loại; giúp sinh viên ôn và rèn luyện các dạng viết bài luận, đặc biệt các chủ đề trong IELTS. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên vận dụng được kiến thức tổng quát và chi tiết về các phương pháp nghe hiểu-ghi chú-trình bày-biện luận bằng tiếng Anh trình độ nâng cao; Ghi nhớ các từ vựng chuyên ngành trong từng bài nghe và các câu trúc cần thiết khi giao tiếp trong từng ngữ cảnh cụ thể ; Áp dụng được kỹ năng trình bày, tường thuật và thể hiện quan điểm cá nhân khi	3,0 (2,0 :1,0)	NN02701, NN02702, NN02703, NN02704

			tham dự các bài thi tiếng Anh quốc tế cũng như để tự tin giao tiếp trong các tình huống thực tế.		
32.	NN02710	Kỹ năng thuyết trình	Học phần được triển khai theo hình thức lý thuyết kết hợp thực hành với các chủ đề cụ thể. Nội dung chính của học phần tập trung vào các bước từ chuẩn bị đến thực hành bài thuyết trình. Hình thức bài thuyết trình đa dạng như thuyết trình cá nhân, thuyết trình theo nhóm, thuyết trình qua video clip,... Qua đó, sinh viên không những rèn luyện kỹ năng trình bày trước người nghe mà còn nâng cao kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tìm tài liệu.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02702
33.	NN02711	Thực hành nghe nói nâng cao	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và các kỹ năng nghe, nói ở trình độ cao để có thể tự diễn đạt một cách rõ ràng và chi tiết về một lượng lớn các chủ đề mà mình quan tâm; phát triển quan điểm về một vấn đề thời sự và nêu lên những ưu điểm và nhược điểm của những tình huống khác nhau. Có thể nghe được ngôn ngữ tiêu chuẩn, phát trực tiếp hoặc phát sóng truyền hình.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02701, NN02702
34.	NN02712	Thực hành đọc viết nâng cao	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng đọc, viết để có thể hiểu được nội dung chính của các chủ đề cụ thể hoặc trù tượng trong một văn bản phức tạp. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng bài tập và cách làm bài trong các bài đọc IELTS; cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng bài tập và cách viết biểu đồ cũng như ôn lại các thể loại văn viết luận; giúp sinh viên nhận biết các dạng bài đọc viết biểu đồ IELTS và bước đầu rèn luyện theo từng loại; giúp sinh viên ôn và rèn luyện các dạng viết bài luận, đặc biệt các chủ đề trong IELTS.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02703, NN02704

35.	NN02713	Kỹ năng viết tin tiếng Anh	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các đặc điểm cơ bản của tin tức và cách viết tin trên báo tiếng Anh, đồng thời giúp sinh viên có cơ hội thực hành luyện tập viết tin ngắn về các sự kiện thường xảy ra dựa trên các thông tin được cung cấp hoặc thu thập được.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02704
36.	NN02714	Kỹ năng phỏng vấn	Môn học cung cấp kiến thức về khái niệm, đặc điểm, phân dạng, hoàn cảnh sử dụng và các bước thực hiện sáng tạo một bài phỏng vấn; kiến thức về ưu điểm và hạn chế của bài phỏng vấn; kiến thức và các kỹ năng thực tế cho việc sáng tạo một cuộc phỏng vấn, tọa đàm trong nhiều lĩnh vực khác nhau	3,0 (2,0 :1,0)	NN02701, NN02702
37.	NN02715	Công nghệ với dịch thuật	Học phần bao gồm các nội dung về giới thiệu và luyện tập các tính năng hữu ích trong MS Office liên quan đến xử lý văn bản dịch và dịch các loại văn bản, giới thiệu và thực hành kỹ năng tra cứu internet phục vụ quá trình dịch; giới thiệu, thực hành dịch các loại văn bản đã qua xử lý trên hai phần mềm thông dụng nhất hiện nay: Wordfast và Trados;	3,0 (2,0 :1,0)	NN02703, NN02704
38.	NN02716	Kỹ năng viết báo cáo	Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung liên quan đến kỹ năng viết báo cáo như: các dạng báo cáo, hình thức, cách lấy số liệu, đánh giá và phân tích số liệu. Cách viết báo cáo trong thương mại. Sinh viên sẽ được cung cấp các dạng bài tập và các câu hỏi để thực hành cũng như tự nghiên cứu và tìm tài liệu.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02704
39.	NN02717	Tiếng Anh du lịch	Học phần cung cấp các kiến thức nghiệp vụ cơ bản liên quan đến Du lịch – Lữ hành. Sinh viên được cung cấp các kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thường xuất hiện trong các tình huống cụ thể liên quan đến Du lịch. Qua đó rèn luyện, nâng cao các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết của sinh viên. Bên cạnh đó, kỹ năng	3,0 (2,0 :1,0)	NN02701 NN02702

			thuyết trình và làm việc nhóm được tập trung nhiều ở học phần này giúp sinh viên dễ tiếp thu kiến thức hơn.		
40.	NN02718	Tiếng Anh ngân hàng	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành ngân hàng, các khái niệm cơ bản về dịch vụ ngân hàng, các khái niệm cơ bản liên quan đến tiền tệ và giao dịch ngân hàng, các dạng văn bản thông thường trong công việc giao dịch kinh doanh ngân hàng.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02703 NN02704
41.	NN02719	Tiếng Anh ngoại giao	Học phần bao gồm các kiến thức ngôn ngữ như thuật ngữ, trường từ vựng, ngữ điệu, cấu trúc, các bài tập thực hành rèn luyện, phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp ngoại giao cụ thể, trong các quy tắc, nghi lễ cũng như hoạt động đối ngoại, nghi thức ngoại giao, văn bản ngoại giao và các hoạt động đối ngoại khác.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02701 NN02702 NN02703 NN02704
2.2. Kiến thức ngành				29	
Bắt buộc				20	
42.	NN02720	Dẫn luận ngôn ngữ	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người; về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy; các dạng tồn tại của ngôn ngữ, những kiến thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng ở mức độ giới thiệu.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02701 NN02702 NN02703 NN02704
43.	NN02653	Ngữ pháp	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về hình thái học và cú pháp học, những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả cấu tạo từ loại và các động từ cơ bản trong tiếng Anh, những đặc điểm cơ bản của tính từ, danh từ, động từ, và trạng từ trong tiếng Anh các phương thức cấu tạo từ chủ yếu và thứ yếu. Phân biệt được các cụm từ đơn, cụm từ phức, cụm từ cơ sở. Khái niệm cơ bản về câu	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720

			và cú, phân biệt được câu đơn, câu phức và câu ghép,..vv. Học phần giúp sinh viên có kiến thức về ngữ pháp lá xương sống trong việc học và nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Học phần ngữ pháp học được chia thành 12 chương, mỗi chương tập trung vào một vấn đề của ngữ pháp. Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những vấn đề khái quát của ngữ pháp tiếng Anh để áp dụng cho các môn tiếp theo.		
44.	NN02721	Phong cách học và văn phong báo chí tiếng Anh	Học phần cung cấp khái niệm và sự phân chia phong cách chức năng của từ vựng tiếng Anh, các phương thức biểu cảm và biện pháp tu từ, các đặc trưng của các phong cách chức năng tiếng Anh: cấu trúc của một bài báo tiếng Anh, các thể loại chính của báo tiếng Anh, các hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng của báo tiếng Anh, ảnh hưởng của những tương đồng và dị biệt về cấu trúc, thể loại và đặc trưng ngôn ngữ đến việc dịch báo Anh - Việt, Việt - Anh và viết báo tiếng Anh.	5,0 (3,5 : 1,5)	NN02720
45.	NN02722	Ngôn ngữ học đối chiếu	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và các bước cơ bản trong so sánh hai hệ thống ngôn ngữ (Tiếng Anh và tiếng Việt) từ các đơn vị nhỏ nhất đến lớn nhất: âm vị – hình vị – từ – ngữ – cú – câu, thấy rõ những nét giống và khác nhau ở các cấp độ đó. Đồng thời học phần giúp sinh viên thực hành và phát hiện sự tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ, kết hợp với các yếu tố văn hoá và những ảnh hưởng khác, làm cơ sở cho sinh viên tìm được cách thể hiện tương đương của ngôn ngữ đích trong quá trình dịch thuật	3,0 (2,0 : 1,0)	NN02720
46.	NN02723	Lý thuyết dịch	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bản chất của	3,0	NN02720

			việc biên dịch và phiên dịch, các thể loại biên, phiên dịch, các nguyên tắc cơ bản của dịch thuật, các bước cơ bản trong qua trình dịch thuật. Học phần giúp sinh viên có kiến thức về dịch thuật và biết ứng dụng các kiến thức đó vào các học phần thực hành dịch tiếp sau đó để có kỹ năng nghề nghiệp của một biên, phiên dịch khi kết thúc chương trình học. Học phần Lý thuyết dịch được chia thành 6 chương trong đó 3 chương dành cho biên dịch và 3 chương dành cho phiên dịch. Tuy nhiên phần biên dịch sẽ được chú trọng hơn vì đây là chương trình đào tạo biên dịch.	(2,0 :1,0)	NN02653
47.	NN03636	Kiến tập nghề nghiệp	Sinh viên bước đầu tìm hiểu cách thức tổ chức một cơ quan truyền thông và tham gia vào quy trình hoạt động dịch và biên dịch tác phẩm tại một đơn vị truyền thông cụ thể nơi đến kiến tập. Thông qua đó, sinh viên nắm bắt được kế hoạch xuất bản sản phẩm báo chí, vận dụng những kiến thức lý luận và khả năng sử dụng ngôn ngữ Anh và kỹ năng nghề nghiệp để phân tích, nhận định có phản biện đối với các hoạt động chuyên môn. Đồng thời sinh viên cũng chiêm nghiệm, phản biện lại những kiến thức lý luận đã được học trong nhà trường.	3,0 (1,0:2,0)	NN02731
<i>Tự chọn</i>				<u>9/27</u>	
48.	NN02724	Ngữ âm – âm vị học	Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học cũng như những khái niệm cần thiết để miêu tả âm thanh lời nói và hệ thống ký hiệu âm trong tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên có kiến thức về ngữ âm và âm vị học từ đó sinh viên có thể tự điều chỉnh cũng như biết cách phát âm câu từ sao cho sát với chuẩn của người bản xứ nói tiếng Anh. Học phần được chia thành 2 phần. Phần 1 có 3 chương về ngữ	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720

			âm, phần 2 có 5 chương về âm vị học. Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về ngữ âm và âm vị học cũng như áp dụng các kiến thức đó và thực hành tiếng và nghiên cứu giảng dạy tiếng Anh		
49.	NN02659	Văn hoá Anh – Mỹ	Học phần cung cấp lịch sử, quá trình hình thành Vương Quốc Anh hoặc một số nước trong khối Anh ngữ cũng như hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ biết thêm hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, các phong tục tập quán, các ngày lễ hội chính ở Anh và Mỹ.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720
50.	NN02610	Văn học Anh – Mỹ	Học phần bao gồm một số tác giả và tác phẩm Văn học Anh – Mỹ như: chuyện ngắn, tiểu thuyết, kịch và thơ. Những tác phẩm này sẽ giúp sinh viên hiểu được văn hóa, tư tưởng, xã hội trong từng giai đoạn lịch sử của nước Anh – Mỹ, và văn phong của từng tác giả. Phát triển tư duy lập luận, phân tích giá trị của tác phẩm, ngôn ngữ, rút ra được bài học đạo đức trong từng tác phẩm.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720
51.	NN02725	Phân tích diễn ngôn	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích diễn ngôn, liên kết và mạch lạc, các trường hợp cụ thể của các phương tiện liên kết, ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong việc hiểu và sản sinh diễn ngôn, chủ đề diễn ngôn và cách thể hiện nội dung của diễn ngôn và cấu trúc tổ chức của diễn ngôn.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720
52.	NN02726	Ngữ nghĩa	Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa. Các quan niệm truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, v.v. Các quan hệ ý (sense relations). Quan niệm về mệnh đề và cú pháp lô gic. Ý	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720

			nghĩa của câu và của phát ngôn (bao gồm các cách nhìn nhận về hàm ngôn, tiền giả định..)		
53.	NN02727	Ngữ dụng	Học phần cung cấp các khái niệm về ngữ dụng và mối quan hệ giữa cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Các khái niệm cơ bản như sự quy chiếu, tiền giả định, hành động lời nói, hiển ngôn, hàm ngôn...;khái niệm văn bản và phân tích văn bản; khái niệm về liên kết và mạch lạc của văn bản; khái niệm về ngữ dụng học giao văn hoá	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720
54.	NN02728	Từ vựng học	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về khái niệm cơ bản và các vấn đề về từ vựng học, bao gồm nguồn gốc của từ vựng, bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ; hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng; cấu trúc âm vị và hình thái từ vựng; các mối quan hệ từ vựng; và nguồn gốc của từ vựng.	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720
55.	NN02729	Giao thoa văn hóa	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự giống nhau và khác nhau giữa văn hoá Anh, Mĩ, các nước nói tiếng Anh và văn hoá Việt Nam, các biểu hiện sự khác biệt trong sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt trong giao tiếp	3,0 (2,0 :1,0)	NN02659
56.	NN02730	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Học phần giới thiệu với người học về một số vấn đề cơ bản trong lí luận về phương pháp dạy học nói chung và dạy học tiếng Anh nói riêng trong môi trường giảng dạy ở trường phổ thông trung học. Người học có thể nhận ra và đánh giá các phương pháp giảng dạy khác nhau và được trang bị một số kĩ thuật quản lý lớp và ứng dụng các kiến thức đã được học, thực hiện một số hoạt động dạy với sách giáo khoa tiếng Anh dùng trong nhà trường trung học phổ thông. Ngoài ra người học còn biết cách lập giáo án, giảng dạy ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng cơ bản trong	3,0 (2,0 :1,0)	NN02720

			tiếng Anh.		
2.3. Kiến thức chuyên ngành				29	
Bắt buộc				25	
57.	NN03731	Thực hành biên dịch 1	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cơ bản nhằm áp dụng các kiến thức liên quan đến văn bản báo chí và các phương pháp dịch vào các bước chính của quá trình dịch: dịch các từ, cụm từ, câu đơn giản; các văn bản báo chí có độ dài không quá lớn, với có cấu trúc và từ vựng ở mức độ trung bình, không quá phức tạp; các ngôn bản được đọc với tốc độ chậm theo những chủ đề thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, công nghệ, v.v. Đồng thời giúp sinh viên có cơ hội thực hành biên tập những văn bản dịch ở mức độ không quá phức tạp. Chú trọng kỹ năng dịch Anh - Việt. Nguồn tư liệu chính phục vụ dạy và học: tin phát thanh, báo in và báo mạng điện tử.	5,0 (2,5:2,5)	NN02720 NN02653 NN02721
58.	NN03621	Thực hành biên dịch 2	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng phân tích ngôn bản báo chí và áp dụng các phương pháp dịch vào các bước chính của quá trình dịch, các thuật ngữ chuyên ngành và nhận biết nội dung thông điệp của ngôn bản theo chủ đề thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, công nghệ, v.v. được thể hiện ở tốc độ trung bình, có độ dài vừa phải, các mối liên kết trong văn bản không quá phức tạp và nhận xét và biên tập những văn bản dịch có độ khó trung bình, đảm bảo độ chính xác. Sinh viên có cơ hội thực hành tổng hợp tin và biên tập những ngôn bản báo chí dịch phục vụ cho các mục đích khác nhau. Chú trọng kỹ năng dịch Anh - Việt. Nguồn tư liệu chính: tin phát thanh, tin báo in, phóng sự và bình luận báo in và báo mạng điện tử v.v.	5,0 (2,5 : 2,5)	NN02731

59.	NN03622	Thực hành biên dịch 3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng phân tích, biên tập ngôn bản báo chí và áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dịch vào các bước chính của quá trình dịch, đặc biệt là các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến chủ đề cũng như nội dung thông điệp của ngôn bản theo chủ đề thuộc các lĩnh vực thông dụng được tác nghiệp trên các phương tiện truyền thông đại chúng như chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, công nghệ, v.v. Tốc độ dịch ở mức trung bình (180 từ/giờ) với các văn bản có độ dài 300-500 từ. Chú trọng kỹ năng dịch Việt-Anh (Tỉ lệ 70% dịch Việt-Anh và 30% Anh-Việt). Nguồn tư liệu chính: tin phát thanh, tin báo in, phóng sự và bình luận báo in và báo mạng điện tử v.v. trên các báo đài chính thống và uy tín trong và ngoài nước.	5,0 (2,5: 2,5)	NN03621
60.	NN03637	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên tham gia vào quy trình hoạt động dịch và biên dịch tác phẩm tại một cơ quan, tổ chức dịch thuật hoặc cơ quan truyền thông có hoạt động dịch thuật. Sinh viên đến thực tập, nắm bắt được kế hoạch biên dịch, hoặc kế hoạch xuất bản sản phẩm báo chí, vận dụng những kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh và kỹ năng nghề nghiệp để tham gia các hoạt động dịch và biên dịch, đăng tải sản phẩm trên các ấn phẩm báo chí. Sinh viên đồng thời bước đầu tham gia các công việc của một nhà báo độc lập có khả năng kết hợp năng lực sử dụng tiếng Anh và kỹ năng nghiệp vụ Báo chí.	4,0 (1,0:3,0)	NN03621 NN03623
61.	NN04028	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một nghiên cứu, khảo sát về một vấn đề liên quan đến sử dụng ngôn ngữ Anh trong giao tiếp hoặc trong các ngôn bản, đặc biệt chú trọng đến các ngôn bản báo chí và các kỹ năng biên phiên dịch các tác phẩm truyền thông; chú trọng vào	6 (0,5:5,5)	NN03621 NN03623

			các mục tiêu kỹ năng, yêu cầu sinh viên thực hiện việc nghiên cứu để tạo ra một sản phẩm cụ thể có liên quan đến chuyên ngành mình học qua đó trau dồi các kỹ năng phân tích, đánh giá tổng hợp và kết luận về một vấn đề mà mình nghiên cứu để rút ra những kinh nghiệm cho bản thân làm hành trang bước vào công việc sau khi ra trường.		
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>				6	
62.	NN03639	Thực hành biên dịch nâng cao	Học phần chú trọng nâng cao kỹ năng biên dịch chú trọng vào các chủ đề Kinh tế, Chính trị, Quan hệ quốc tế, Văn hóa-Xã hội và Khoa học-Kỹ thuật, các chủ đề này thường được đề cập cũng như được tác nghiệp thường xuyên trên các phương tiện truyền thông đại chúng trong nước và quốc tế. Qua đó giúp sinh viên tiếp cận gần với công việc và cường độ làm việc thực tế khi ra trường.	3,0 (2,0:1,0)	NN03623
63.	NN03734	Tiếng Anh kinh tế, tài chính	Học phần bao gồm 06 đơn vị bài học bao gồm cả lý thuyết và thực hành. Học phần cung cấp cho người học lượng từ vựng theo các chủ đề trong kinh doanh thương mại như văn hóa doanh nghiệp, dịch vụ khách hàng, sản phẩm và đóng gói, nghề nghiệp, thương thảo, doanh nghiệp và cộng đồng, sát nhập và kinh doanh quốc tế. Đồng thời học phần giúp người học phát triển các kỹ năng nói trong các tình huống kinh doanh điển hình như báo cáo, thư, email thân mật, trang trọng trong kinh doanh, bản mô tả sản phẩm, CV, đề xuất, biên bản cuộc họp, slide thuyết trình, yêu cầu và nhắc nhở. Ngoài ra, học phần giúp người đọc củng cố một số mảng ngữ pháp cơ bản nhằm phục vụ cho hai kỹ năng đọc	3,0 (2,0:1,0)	NN02709

			và viết. Cuối cùng, học phần cũng đưa ra tình huống thực tế giúp người học áp dụng các kiến thức kỹ năng đã được học vào giải quyết tình huống.		
<i>Tự chọn</i>				4/12	
64.	NN03623	Thực hành biên dịch 4	Sinh viên luyện tập dịch các ngôn bản báo chí ở mức độ khó theo chủ đề thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá nghệ thuật, công nghệ, ngoại giao v.v. Đồng thời sinh viên thực hành biên tập ngôn bản báo chí dịch cả ở góc độ ngôn ngữ và nghiệp vụ báo chí phục vụ cho các mục đích khác nhau, cũng như thực hành các kỹ năng phiên dịch phục vụ các sự kiện truyền thông. Nguồn tư liệu chính: tin báo in, phóng sự, bình luận báo in, và báo mạng điện tử, tin và phóng sự truyền hình, phim tài liệu, phim truyện. Chú trọng kỹ năng dịch Việt - Anh.	4,0 (2,0:2,0)	NN03622
65.	NN03732	Biên dịch chuyên ngành khoa học tự nhiên	Học phần cung cấp các bài luyện tập dịch các văn bản có nội dung thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên như Sinh học, Môi trường, Y học và Dược như các chủ đề về thiên nhiên, môi trường, các dạng và phương pháp điều trị bệnh, biện pháp chăm sóc sức khoẻ, các thành tựu trong lĩnh vực khoa học phục vụ đời sống con người....Rèn luyện khả năng nhận xét, dịch và biên tập văn bản mang đặc trưng văn phong khoa học.	4,0 (2,0:2,0)	NN03623
66.	NN03733	Biên dịch chuyên ngành kỹ thuật – công nghệ	Học phần cung cấp hệ thống thuật ngữ thuộc lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng dịch các văn bản thuộc các chủ đề chuyên ngành kỹ thuật – công nghệ, như các thành tựu, phát minh trong cơ khí, chế tạo máy, công nghệ tin học và ứng dụng trong đời sống; rèn luyện khả năng nhận xét, dịch và biên tập văn bản mang đặc trưng văn phong khoa học.	4,0 (2,0:2,0)	NN03623

7. Các ma trận

7.1. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã HP	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1)	TM01012	H												L	L	L
2)	KT01001	H												L	L	L
3)	CN01001	H												L	L	L
4)	TH01001	H												L	L	L
5)	LS01002	H												L	L	L
6)	NP01001		H	M										L	L	L
7)	CT01001		H	M										L	L	L
8)	XD01001		H	M										L	L	L
9)	TG01004		H	H										L	L	L
10)	ĐC01001		H	M										L	L	L
11)	TT01002		H	M										L	L	L
12)	TT01001		H	M										L	L	L
13)	ĐC01006		H	M										L	L	L
14)	QT01001		H	M										L	L	L
15)	QQ01002		H	M										L	L	L
16)	XH01001		H	M										L	L	L
17)	TG01006		H	M										L	L	L
18)	TM01003		H	M										L	L	L
19)	ĐC01005		H	M					H					L	L	L

20)	NN01019				M			M						L	L	L
21)	NN01020				M			M						L	L	L
22)	NN01021				M			H						L	L	L
23)	NN02701				M				M					M	M	M
24)	NN02702				M				M					M	M	M
25)	NN02703				M				M					M	M	M
26)	NN02704				M				M					M	M	M
27)	NN02705				M				M					M	M	M
28)	NN02706				M				M					M	M	M
29)	NN02707				M				M					M	M	M
30)	NN02708				M				M					M	M	M
31)	NN02709				M				M					M	M	M
32)	NN02710				M				M					H	H	H
33)	NN02711				M				M					H	H	H
34)	NN02712				M				M					H	H	H
35)	NN02713				M				M					H	H	H
36)	NN02714				M				M					H	H	H
37)	NN02715				M				M					H	H	H
38)	NN02716				M				M					H	H	H
39)	NN02717				M				M					H	H	H
40)	NN02718				M				M					H	H	H
41)	NN02719				H				M					H	H	H
42)	NN02720				H				H	M		M		H	H	H
43)	NN02653				H				H	H		M		H	H	H
44)	NN02721				H				H	H		M		H	H	H

45)	NN02722				H					H	H		M	H	H	H
46)	NN02723				H					H	H	M	M	H	H	H
47)	NN03636				H					H	H		M	H	H	H
48)	NN02724				H					H	H		M	H	H	H
49)	NN02659				H					H	H		M	H	H	H
50)	NN02610				H					H	H		M	H	H	H
51)	NN02725				H					H	H		M	H	H	H
52)	NN02726				H					H	H		M	H	H	H
53)	NN02727				H					H	H		M	H	H	H
54)	NN02728				H					H	H		M	H	H	H
55)	NN02729				H					H	H		M	H	H	H
56)	NN02730				H					H	H		M	H	H	H
57)	NN03731					H	H			H	H	H	H	H	H	H
58)	NN03621					H	H			H	H	H	H	H	H	H
59)	NN03622					H	H			H	H	H	H	H	H	H
60)	NN03637					H	H			H	H	H	H	H	H	H
61)	NN04028					H	H			H	H	H	H	H	H	H
62)	NN03639					H	H			H	H	H	H	H	H	H
63)	NN03734					H	H			H	H			H	H	H
64)	NN03623					H	H			H	H	H	H	H	H	H
65)	NN03732					H	H			H	H	H	H	H	H	H
66)	NN03733					H	H			H	H	H	H	H	H	H

Trong đó:

H: Đóng góp ở mức cao

M: Đóng góp ở mức trung bình

L: Đóng góp ở mức thấp

7.2. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể (POs)	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13	P L O 14	P L O 15
PO1	x	x	x												
PO2								x							
PO3							x								
PO4				x		x									
PO5					x	x									
PO6									x						
PO7									x						
PO8											x	x			
PO9											x		x		
PO10										x			x		
PO11							x	x							
PO12														x	
PO13														x	
PO14															x
PO15															x

8. Mô tả các học phần

MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nghe 1 (Listening 1)

1. Thông tin chung về học phần

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| - Tên học phần: | Kỹ năng nghe Tiếng Anh 1 |
| - Tên học phần bằng tiếng Anh | English Listening Skills 1 |
| - Mã học phần: | NN02701 |
| - Học phần tiên quyết: | Không |
| - Vị trí và loại học phần: | Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc |

- Các yêu cầu khác đối với học phần: Phòng học có máy chiếu và các thiết bị âm thanh, thư viện có đầy đủ học liệu liên quan đến học phần
- Phân bổ giờ tín chỉ: 02 (45 tiết)
Lý thuyết: 1.0
Thực hành 1.0
Tự học (60 giờ)
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Ngoại ngữ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

2. Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và các kỹ thuật cần thiết giúp nhận diện ý nghĩa lời nói qua âm thanh như nổi âm, luyện âm, ngữ điệu; cung cấp các kỹ năng thực hành nghe giao tiếp cơ bản với nhiều ngữ cảnh khác nhau ở cấp độ B1+. Ngữ liệu có giọng chuẩn người bản ngữ, tốc độ không quá nhanh, hành văn rõ ràng. Phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp; hình thành thái độ và phẩm chất làm việc nghiêm túc, tinh thần cầu tiến.

3. Chuẩn đầu ra:

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các nhóm từ vựng, kiến thức nền về sở thích, gia đình, đời sống xã hội, du lịch, động vật, học tập, nhập cư và di cư, thể thao vào các tình huống nghe cụ thể cấp độ B1+.	PLO4	3
2	Vận dụng các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng cơ bản nhằm đạt mục tiêu nghe hiểu ở cấp độ B1+	PLO 4	3
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng nghe hiểu như xác định ý chính, ý phụ, kỹ năng phán đoán từ, hiểu được hàm ý người nói, kỹ năng ghi chú để áp dụng trong môi trường học thuật và trong môi trường giao tiếp hàng ngày như trò chuyện, hội thoại trao đổi, bài nói chuyện, bài giảng, tin ngắn tương đương cấp độ B1+.	PLO 9	4
4	Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm đối với những bài tập nghe trên lớp và tại nhà	PLO13	4

5	Kỹ năng phân tích, phản biện, tổng hợp thông tin về ngôn ngữ, kiến thức nền phục vụ cho năng lực nghe hiểu dưới sự gợi ý của giáo viên.	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Có nhiệt huyết trong học tập, có tác phong học tập khoa học, nghiêm túc, biết hỗ trợ, giúp đỡ bạn cùng học.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nhận biết các âm và tổ hợp âm cơ bản, kỹ năng sử dụng hệ thống phiên âm quốc tế, và các kỹ thuật cần thiết trong việc nhận diện ý nghĩa lời nói qua âm thanh; Giúp sinh viên phát triển, rèn luyện các kỹ năng nghe hiểu cơ bản, bao gồm có thể hiểu được các thông tin đơn giản và xác định được ý chính trong các bài nói về các chủ đề liên quan tới cuộc sống, công việc; có thể theo dõi và hiểu được dàn ý của các bài nói ngắn, các bài giảng ngắn; có thể hiểu và làm theo các thông tin hướng dẫn, từ đó có phản xạ phù hợp trong các tình huống giao tiếp thông thường trong cuộc sống và công việc, tạo tiền đề cho sự phát triển tốt các kỹ năng nghe hiểu trong các tình huống giao tiếp và giao tiếp học thuật trong nhà trường.

Page Break

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành chuyên đề (workshop); dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang trực tuyến hoàn toàn.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
A	Đánh giá ý thức			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về	Tuần	3,4,5,6	10%

	nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	1-18		
B	Đánh giá định kỳ			30%
B1	Trong trường hợp học tập trực tiếp			
1	Bài kiểm tra đánh giá nghe hiểu 1 (Progress test 1)	Tuần 6	3,4	15%
2	Bài kiểm tra đánh giá nghe hiểu 2 (Progress test 2)	Tuần 12	3,4	15%
B2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
1	Listening quizzes	Tuần 6	3,4	15%
2	Weekly listening journals	Tuần 13	1,2,3,4,6	15%
C	Đánh giá kết thúc học phần			60%
C1	Trong trường hợp học tập trực tiếp			
1	Bài thi nghe hiểu	Theo lịch của Học viện	1,2,3,4,6	60%
C2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Bài tập lớn	14	1,2,3,4,6	60%

Nói 1 (Speaking 1)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Nói 1
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Speaking 1
Mã học phần:	NN02702
Học phần tiên quyết:	Không
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	04 (90 tiết) Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 2.0 Tự học (120 giờ)
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng trình bày suy nghĩ của mình trong các tình huống giao tiếp thông thường ở nơi công cộng, trường học, gia đình và công sở, các kỹ năng thảo luận bài học một cách thuyết phục và một cách có hệ thống. Đồng thời giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức kỹ năng, mục tiêu giao tiếp, từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng làm bài đọc và viết, phát triển vốn từ vựng về các chủ đề nhận thức văn hóa, các vấn đề sức khỏe, thú vui đọc sách, các thảm họa tự nhiên, dự tính về tương lai, lễ hội và truyền thống.

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng phát âm chuẩn xác, kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống cơ bản.

3. Chuẩn đầu ra (PLO)

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các nhóm từ vựng, kiến thức về bản thân, cuộc sống hằng ngày, vui chơi giải trí, du lịch, sức khỏe, mua bán, dịch vụ, thời tiết, địa điểm và ngôn ngữ cho các tình huống cụ thể.	PLO 2	3
2	Vận dụng được các kiến thức về các lĩnh vực ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, khả năng sử dụng tốt vốn từ vựng/ngữ pháp căn bản nhưng vẫn mắc phải những lỗi nghiêm trọng khi diễn đạt những suy nghĩ phức tạp hay gặp phải các chủ đề và tình huống lạ lẫm	PLO 4	3
II	Kỹ năng		
3	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đối tự tin, phản xạ phù hợp trong các tình huống giao tiếp thông thường, trình bày quan điểm về các vấn đề cơ bản, tham gia đàm thoại về chủ đề quen thuộc không cần chuẩn bị, thể hiện quan điểm cá nhân trong một số tình huống giao tiếp xã hội.	PLO 9	3
4	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm.	PLO13	4
5	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện thông tin, dữ liệu, phục vụ việc tự học tự nghiên cứu.	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		

6	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	4
---	---	--------	---

4. Tóm tắt nội dung học phần

Người học được cung cấp kiến thức các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, rèn luyện kỹ năng phản xạ phù hợp trong các tình huống giao tiếp thông thường, trình bày quan điểm về các vấn đề trừu tượng, phức tạp, yêu cầu người học thể hiện khả năng bảo vệ quan điểm của mình và tranh luận mang tính phản biện ý kiến của người đối thoại.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, như các buổi thực hành làm dự án với các hoạt động sinh viên thuyết trình và thảo luận, các hoạt động thực hành làm việc độc lập cũng như theo nhóm, v.v. Hơn nữa, còn kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A	<i>Đánh giá ý thức</i>			
I	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	6	10%
B	<i>Đánh giá định kỳ</i>			30%
B1.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
1	Bài tập tình huống 1 (Progress test 1)	Tuần 9,	1,2,3,4,6	
2	Bài tập tình huống 2 (Progress test 2)	18	1,2,3,4,6	
B2.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến (Teams)</i>			
1	Bài tập tình huống 1 (Progress test 1)	9	1,2,3,4,6	

2	Bài tập tình huống 2 (Progress test 2)	18	1,2,3,4,6	
C	<i>Đánh giá kết thúc học phần (trực tuyến/ trực tiếp)</i>			
1	Bài thi vấn đáp	Sau khi kết thúc học phần	1,2,3,4,6	60%

Độc 1 (Reading 1)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Độc 1
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Reading 1
Mã học phần:	NN02703
Học phần tiên quyết:	Không
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	Máy tính nối mạng, loa, đài, đĩa, máy chiếu, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
	Lý Thuyết :2.0
	Thực hành: 2.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Giờ tự học: 120 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền
Các hướng nghiên cứu chính:	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Dịch thuật
Thời gian và địa điểm làm việc:	Khoa Ngoại ngữ - Tầng 5, A1, Học viện Báo chí & Tuyên truyền
Địa chỉ liên hệ:	36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại:	0973348927
Email:	<u>linhtnaja@gmail.com</u>

2. Mục tiêu học phần:

Môn học này nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các kỹ năng đọc cơ bản; lượng từ vựng liên quan tới các chủ đề trong xã hội hiện đại thông qua chuỗi bài đọc dưới nhiều chủ đề và dạng thức khác nhau như các bài báo, tạp chí, phỏng vấn, nhật ký cá nhân, v.v.; Kết thúc học phần sinh viên có thể hiểu được ý chính của bài đọc và

hiểu được thái độ, quan điểm của người viết; tìm và nhận biết thông tin; và tóm tắt các ý chính của văn bản.

3. Chuẩn đầu ra:

ST T	CLO	PLO	Bậ c
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các nhóm từ vựng, kiến thức lĩnh vực xã hội nhân văn cho việc đọc các thông tin và bài đọc, trong hoạt động đọc hiểu tin tức, các loại văn bản,	PLO 4	3
II	Kỹ năng		
2	Áp dụng kỹ năng đọc thông qua việc đọc nhanh, đọc lướt để hiểu ý chính và ý phụ, các thông tin chi tiết của bài cũng như kỹ năng suy luận ngữ nghĩa.	PLO 9	3
3	Nhận diện mạch lập luận ở những văn bản tương đối ngắn hoặc có ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu.	PLO 9	3
4	Nhận diện từ vựng theo chủ đề, hiểu và vận dụng được từ vựng theo ngữ cảnh	PLO 9	4
5	Vận dụng kỹ năng phân tích, phản biện, tổng hợp thông tin về ngôn ngữ, kiến thức nền phục vụ cho năng lực đọc hiểu dưới sự hướng dẫn cụ thể của giáo viên.	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được chia thành 12 bài với các chủ điểm khác nhau có nội dung liên quan đến các vấn đề cập nhật trong xã hội hiện đại ngày nay như du học, giải trí, biến đổi khí hậu, v.v. Học phần tập trung chủ yếu vào các kỹ năng đọc ở trình độ trung cấp. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể áp dụng vào việc đọc hiểu các văn bản tiếng Anh, cũng như việc học tập những môn học tiếp theo.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng phương pháp dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập tích hợp cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp

giữa các giờ học lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện bệnh dịch không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A	Đánh giá ý thức			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	3,4,5,6	
B	Đánh giá định kỳ			30%
B.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
	Bài kiểm tra đánh giá đọc hiểu (Progress test)	Tuần 6	1,2, 3	30%
B.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
	Reading quizzes	Tuần 6	1,2,3	15%
	Reading diary	Tuần 1-18	1,2,3,4,5,6	15%
C	Đánh giá kết thúc học phần			60%
C.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>	Theo lịch của Học viện		
	Bài thi trắc nghiệm đọc hiểu		1,2,3,4,6	
C.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
	Bài tập lớn	14	1,2,3,5,6	

Viết 1 (Writing 1)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:

VIẾT 1

Tên học phần bằng tiếng Anh:

Writing 1

Mã học phần:

NN 02704

Học phần tiên quyết:

đủ điều kiện nhập học theo quy định, quy chế

Vị trí và loại học phần:	đào tạo Học phần bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần:	sinh viên phải có tài liệu học tập do giảng viên giới thiệu hoặc cung cấp; phòng học có máy chiếu;
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý Thuyết: 2.0; Thực hành: 2.0 Giờ tự học: 120 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Viết 1 nhằm trang bị và củng cố kiến thức về viết một đoạn văn và bài luận định hướng học thuật. Theo đó, sinh viên có hiểu biết về kỹ thuật viết và kỹ năng thực hành các yếu tố cấu thành một đoạn văn hay bài luận hoàn chỉnh. Sinh viên có khả năng hiệu chỉnh, sửa lỗi, biên tập lại một đoạn văn hay bài luận chưa đạt yêu cầu theo quy định trong lý thuyết viết luận tiếng Anh. Học phần cũng nhằm hỗ trợ đắc lực cho việc học tập các kỹ năng ngôn ngữ khác như, đọc, nghe, nói, và khả năng diễn ngôn phù hợp trong học ngoại ngữ.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Hiểu biết và phân biệt viết tự do và viết học thuật, viết đoạn văn và bài luận	PLO4	3
2	Nắm được kỹ thuật viết một đoạn văn và một bài luận theo quy trình và cấu trúc phù hợp	PLO4	3
II	Kỹ năng		
3	Vận dụng được kỹ năng biên tập văn bản để phát hiện lỗi sai và sửa được lỗi để tạo ra các đoạn văn và bài luận đúng về cả văn phong và ngôn ngữ	PLO4	3
4	Sử dụng linh hoạt văn phong và đặc điểm khác nhau của ngôn ngữ viết trong Tiếng Anh với những mẫu ngôn ngữ và vốn từ phổ biến	PLO9	4
5	Liên quan đến phương pháp học, sinh viên có thể: Làm chủ được các phương pháp viết cơ bản cùng với những kỹ năng học tập nói chung; Chủ động trong việc tự học, hợp tác nhóm và hợp tác với bạn học; Tham gia vào quá trình tự dạy cho mình, tự nghiên cứu, tự đánh giá tiến bộ của mình, và dạy cho bạn cũng như đánh giá tiến bộ	PLO12	3

	của bạn học.		
III	Phẩm chất đạo đức		
6	Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có tác phong làm việc nghiêm túc, cầu thị. Chăm chỉ và say mê học tập, thực hành viết các văn bản thông thường bằng tiếng Anh ; kiên trì luyện tập và rèn luyện kỹ năng viết các bài tiếng Anh theo phong cách học thuật từ dễ đến khó	PLO 16	3
7	Có ý thức áp dụng những tri thức được học vào cuộc sống và trong công việc	PLO 17	3

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần **Viết 1** cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Cách viết hoàn chỉnh một đoạn văn trong tiếng Anh từ cách viết câu chủ đề (mở đầu đoạn văn), phát triển ý tưởng (thân bài của đoạn văn) cho đến cách kết thúc đoạn văn (phần kết đoạn). Thực hành viết các loại đoạn văn khác nhau như mô tả, kể chuyện, so sánh, trình bày ý kiến.

Cách viết một bài luận ngắn hoặc vừa bằng tiếng Anh, đảm bảo có kết cấu mở bài, thân bài, kết luận. Cách diễn đạt và sắp xếp ý tưởng theo phong cách viết của tiếng Anh. Kỹ năng cơ bản để viết một bài luận đúng hình thức, thể loại; vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng để diễn đạt ý tưởng một cách đầy đủ và có logic; Những kiến thức căn bản trong việc tổ chức và phát triển ý tưởng khi viết một bài luận; hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng viết bài luận có độ dài khoảng 500 từ thuộc các thể loại: Miêu tả, tường thuật, nguyên nhân – kết quả, so sánh đối chiếu, phát biểu ý kiến.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Ghi chú
A	Đánh giá ý thức học tập			

1	Điểm danh chuyên cần; chuẩn bị bài trước khi đến lớp; Nhận thức, thái độ tham gia học tập trên lớp; hỏi- đáp, các hoạt động học tập trên lớp	Hàng tuần theo chương trình môn học	4,5,6	10%
B	Đánh giá tiến bộ định kỳ			
1	Bài kiểm tra giữa học phần (Tự luận)	Sau khi tiến độ, khối lượng giảng dạy và học tập môn học được trên 50% (tuần 10-12)	3,5	30%
C	Đánh giá kết thúc học phần			60%
C.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp	Theo kế hoạch và lịch thi của Học viện.	4,6	
	Bài thi kết thúc học phần (Tự luận)	Theo kế hoạch và lịch thi của Học viện	4,6	
C.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Bài tập lớn (portfolio)	14	4,6	

Nghe 2(Listening 2)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kỹ năng nghe 2
- Tên học phần bằng tiếng Anh: Listening Skills 2
- Mã học phần: NN02701
- Học phần tiên quyết: Không
- Vị trí và loại học phần: Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Phòng học có máy chiếu và các thiết bị âm thanh, thư viện có đầy đủ học liệu liên quan đến học phần
- Phân bổ giờ tín chỉ: 02 (45 tiết)
Lý thuyết: 1.0
Thực hành 1.0
Tự học (60 giờ)

- Khoa phụ trách học phần:

Khoa Ngoại ngữ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn học này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề trong cuộc sống, các ngữ điệu của lời nói trong giao tiếp cũng như các kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội trình độ B2. Ngữ liệu có giọng nói đạt tốc độ và cấu trúc diễn đạt phức tạp gần với ngữ cảnh thực, đòi hỏi sinh viên phải tư duy hơn và phản xạ nhanh hơn trong quá trình luyện nghe, để đáp ứng trong các tình huống giao tiếp thực tế. Phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp; hình thành thái độ và phẩm chất làm việc nghiêm túc, tạo tiền đề cho sinh viên có thể phát triển các kỹ năng giao tiếp nâng cao cũng như có thể tiếp thu, lĩnh hội các kiến thức chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh trong các học phần tiếp theo.

3. Chuẩn đầu ra

ST T	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong những lĩnh vực như giáo dục, hoạt động xã hội, nghệ thuật, chính trị, môi trường... áp dụng vào các tình huống nghe cụ thể cấp độ B2	PLO 4	3
2	Vận dụng các kiến thức ngôn ngữ Anh như ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng cơ bản nhằm đạt mục tiêu nghe hiểu ở cấp độ B2	PLO 4	3
II	Kỹ năng		
3	Vận dụng phối hợp được các các kỹ năng nghe hiểu nhằm xác định ý chính, ý phụ, kỹ năng phán đoán từ, hiểu được hàm ý người nói, kỹ năng ghi chú để áp dụng trong môi trường học thuật và trong môi trường giao tiếp hàng ngày như trò chuyện, hội thoại trao đổi, bài nói chuyện, bài giảng, phim tài liệu. Ngữ cảnh bài nghe phức tạp, đa dạng, tốc độ bài nghe gần với tốc độ người bản xứ, giọng nói đa dạng tương đương cấp độ B2	PLO 9	4
4	Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm đối với những bài tập nghe trên lớp và tại nhà	PLO 13	4

5	Chủ động học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực nghe hiểu	PLO14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Có tinh thần cầu thị, có phẩm chất kiên trì, bền bỉ khắc phục khó khăn trong học tập và hỗ trợ bạn cùng học	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung về phát triển các kỹ năng năng nghe trong môi trường học thuật và trong môi trường giao tiếp, thu nhận thông tin hàng ngày. Sinh viên luyện tập các kỹ năng như kỹ năng ghi chú, kỹ năng phán đoán từ, kỹ năng nghe lấy ý chính, kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết. Định dạng bài nghe bao gồm nghe giao tiếp hàng ngày, hội thoại trao đổi, bài nói chuyện, bài giảng, tin ngắn. Tốc độ bài nghe gần với tốc độ người bản xứ, giọng nói đa dạng tương đương trình độ B2.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong những điều kiện đặc biệt, khi cần thiết hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức đánh giá kiểm tra

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A	Đánh giá ý thức			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	3,4,5,6	10%
B	Đánh giá định kỳ			30%
B1	Trong trường hợp học tập trực tiếp			
1	Bài kiểm tra đánh giá nghe hiểu 1 (Progress test 1)	Tuần 6	3,4	15%
2	Bài kiểm tra đánh giá nghe hiểu 2 (Progress test	Tuần	3,4	15%

	2)	12		
B2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
1	Listening quizzes	Tuần 6	3,4	15%
2	Weekly listening journals	Tuần 13	1,2,3,4,6	15%
C	Đánh giá kết thúc học phần			60%
C1	Trong trường hợp học tập trực tiếp			
1	Bài thi nghe hiểu	Theo lịch của Học viện	1,2,3,4,6	60%
C2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Bài tập lớn	14	1,2,3,4,6	60%

Nói 2 (Speaking 2)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Nói 2
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Speaking 2
Mã học phần:	NN02706
Học phần tiên quyết:	NN02702
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	Phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	03 (68 tiết) Lý Thuyết: 1.0 Thực hành: 2.0 Tự học (60 giờ)
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần giúp sinh viên có thể hiểu ý chính về các chủ đề cụ thể và trù tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Sử dụng tiếng Anh để thể hiện ý kiến về các vấn đề đang nhận được sự quan tâm trên các phương tiện truyền thông. Rèn luyện kỹ năng trình bày, phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

trong các chương trình phỏng vấn trực tiếp, talk show, đối thoại trực tuyến, trả lời trực tuyến và giúp các em có phong thái tự tin thể hiện trước đông người

3. Chuẩn đầu ra (PLO)

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các nhóm từ vựng, kiến thức khá đa dạng về lĩnh vực xã hội bao gồm gia đình, cộng đồng, âm nhạc, tài chính, thời trang, động vật, quảng cáo, lịch sử cho việc mô tả các thông tin và thể hiện ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể.	PLO 4	4
2	Vận dụng được các kiến thức về các lĩnh vực ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, khả năng sử dụng tốt vốn từ vựng/ngữ pháp căn bản, ít mắc phải những lỗi nghiêm trọng khi diễn đạt những suy nghĩ phức tạp hay khi gặp phải các chủ đề và tình huống lạ lẫm.	PLO4	4
II	Kỹ năng		
3	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thành thạo, tự tin trong đa dạng các tình huống giao tiếp xã hội và các lĩnh vực chuyên môn khác, có thể giải thích được quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra ưu nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.	PLO 9	4
4	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình khá tốt; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm một cách hợp lý.	PLO13	5
5	Kỹ năng tra cứu thông tin và phân tích tốt, có tư duy phản biện đối với các thông tin có được trong các tài liệu phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu	PLO 14	5
III	Thái độ, phẩm chất		

6	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	5
---	---	--------	---

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức trong giáo trình căn cứ dựa theo khung CEFR, hỗ trợ cải thiện việc thiết lập, củng cố kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống của cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Trong học phần này, người học không chỉ được rèn luyện phát âm, sửa các âm khó, được luyện cách thể hiện quan điểm cá nhân, bảo vệ quan điểm, thảo luận, tranh luận, đàm phán, phản biện, mà còn được hướng dẫn phương pháp tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình, phục vụ cho công việc sau này.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, như các buổi thực hành làm dự án với các hoạt động sinh viên thuyết trình và thảo luận, các hoạt động thực hành làm việc độc lập cũng như theo nhóm, v.v. Hơn nữa, còn kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
<i>I</i>	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	4,5	10%
<i>B</i>	<i>Đánh giá định kỳ</i>			30%
<i>B1.1</i>	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
1	Bài tập tình huống 1 (Progress test 1)	Tuần 9,	1,3,4,5	
2	Bài tập tình huống 2 (Progress test 2)	18	2,3,4,5	

B2.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến (Teams)</i>			
1	Bài tập tình huống 1 (Progress test 1)	9	1,3,4,5	
2	Bài tập tình huống 2 (Progress test 2)	18	2,3,4,5	
C	<i>Đánh giá kết thúc học phần (trực tuyến/ trực tiếp)</i>			
1	Bài thi vấn đáp	Sau khi kết thúc học phần	1,2,3,4,6	60%

Đọc 2 (Reading 2)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Đọc 2
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Reading 2
Mã học phần:	NN02707
Học phần tiên quyết:	Không
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	Máy tính nối mạng, loa, đài, đĩa, máy chiếu, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý thuyết: 2.0 – Thực hành: 1.0 – Tự học: 120 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần:

Học phần đọc 2 nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng đọc, phân tích bài báo về các lĩnh vực khác nhau. Đồng thời học phần đọc giúp trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng phong phú theo các chủ đề khác nhau, các thuật ngữ trong nhiều lĩnh vực. Thông qua học phần đọc 2, người học cũng hình thành thái độ nghiêm túc trong quá trình đọc tin tức, đọc báo, đọc các văn bản và tài liệu khác.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CLO	PLO	Bậc
I.	<i>Kiến thức</i>		
1	Vận dụng được các kiến thức về cấu trúc, văn	PLO 4	3

	phong, ngôn ngữ bài tin để hiểu các bài tin		
2	Vận dụng được các kiến thức về cấu trúc, văn phong, ngôn ngữ bài tin để cảm thụ các bài tin	PLO 4	3
II. Kỹ năng			
3	Kỹ năng đọc hiểu ý chính của bài, tìm và nhận biết thông tin; tóm tắt các ý chính của các bài tin	PLO 9	5
4	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm	PLO 13	5
III. Thái độ phẩm chất			
5	Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	PLO 13	5

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về việc vận dụng các kỹ năng chính trong quá trình đọc và nhận biết thông tin trong văn bản báo chí và phong cách viết của tác giả nhằm mục đích hiểu được ý chính của bài đọc và thái độ của người viết, tóm tắt các nội dung văn bản cũng như nhận biết và thể hiện được ý chính của văn bản và thông điệp của tác giả.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao như thảo luận, làm việc nhóm. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; hoạt động thuyết trình, tự nghiên cứu của người học. Trong những điều kiện đặc biệt, khi cần thiết hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

Stt	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
-----	---------------------------------	-----------	---------------	---------------

A.	Đánh giá ý thức			
1.	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	1,2,3,4,5	10%
B.	Đánh giá định kỳ			
	Trong trường hợp học trực tiếp			
1.	Bài thi kiểm tra giữa kì	Tuần 6	1, 2, 3	20%
2.	Thuyết trình	12	1, 2, 3, 4, 5,	10%
	Trong trường hợp học trực tuyến			
3.	Bài thi trắc nghiệm online	Tuần 6	1, 2, 3	10%
4.	Thuyết trình	12	1, 2, 3, 4, 5	20%
C.	Đánh giá kết thúc học phần			
1.	Bài thi viết (trường hợp học trực tiếp)	Tuần 14	1, 2, 3, 4, 5	60%
2.	Bài tập lớn (trường hợp học trực tuyến)	Tuần 14	1, 2, 3, 4, 5	60%

Viết 2 (Writing 2)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Viết 2
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Writing 2
Mã học phần:	NN02708
Học phần tiên quyết:	NN02704
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
	Lý Thuyết :2.0
	Thực hành: 1.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Giờ tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần (Kiến thức, kỹ năng, thái độ)

Luyện tập và vận dụng lý thuyết để viết thư cho người thân, thư thương mại, hoặc hồ sơ xin việc trong những tình huống thực tế. Cung cấp kiến thức về các đặc điểm cơ bản viết tin, thực hành luyện tập viết tin ngắn về các sự kiện thường xảy ra

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức về cấu trúc, văn phong, ngôn ngữ bài tin để phân tích các bài tin	PLO 4	3
2	Vận dụng được các kiến thức về cấu trúc, văn phong, ngôn ngữ bài tin để viết các bài tin	PLO 4	3
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng viết các bài tin phù hợp về thể thức, văn phong, ngôn ngữ ở mức cơ bản	PLO 9, 10	5
4	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm	PLO13	4
5	Kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin và giải quyết vấn đề, tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Có thái độ chủ động và nghiêm túc với môn học, khách quan trong viết báo/tin, có tác phong làm việc khoa học, cầu thị, có đạo đức nghề nghiệp	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này gồm 2 phần. Phần 1 giới thiệu các nội dung như dạng thức, từ vựng, ngữ pháp, cách diễn của thư thân mật, thư xin việc, thương mại, thư giới thiệu, và sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh. Phần 2 bao gồm những đặc điểm cơ bản của viết tin: các dạng tin, tiêu chí viết tin đúng, yêu cầu đối với tin tức báo chí, cấu trúc, nguyên tắc về độ dài của tin, từ vựng và ngữ pháp, cách thu thập nguồn để viết tin, sử dụng nguồn cho một bài báo.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
A	Đánh giá ý thức			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên,	Tuần 1-12	4	10%
B	Đánh giá định kỳ trong trường hợp học tập trực tiếp và học tập trực tuyến			30%
	Bài thuyết trình của sinh viên	Tuần 1-12	1,2,3,4, 5,6	15%
	Bài kiểm tra viết thư	6	1,2,3,4, 5,6	15%
C	Đánh giá kết thúc học phần			
C.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>	Theo lịch của Học viện		60%
	Bài thi viết		1,2,3,4, 5,6	
C.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>	Tuần 14		
	Bài tập lớn (portfolio)		1,2,3,4, 5,6	

Tiếng Anh nâng cao (Advanced English)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tiếng Anh nâng cao
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Advanced English
Mã học phần:	NN02709
Học phần tiên quyết:	NN02705, NN02706, NN02707, NN02708
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần

Lý Thuyết :2.0 (30 giờ)

Thực hành: 1.0 (30 giờ)

Phân bổ giờ tín chỉ:

Giờ tự học: 90 giờ

Khoa phụ trách học phần:

Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn học này nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ cao (C1 khung năng lực châu Âu) để chuẩn bị cho sinh viên bước vào giai đoạn học chuyên ngành. Đồng thời định hướng cho sinh viên có thể tiếp cận và hiểu biết và nắm bắt được các dạng đề thi của các kỳ thi tiếng Anh quốc tế phổ biến như CAE Cambridge, IELTS ≥ 6.5

3. Chuẩn đầu ra

STT	CĐR môn học	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để làm các bài tiếng Anh theo định dạng CAE, IELTS ≥ 6.5	4	3
2	Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ, định dạng, để đưa ra nhận định đối với các bài thi đọc, viết, nghe, nói, theo các tiêu chí đánh giá cho kỳ thi CAE, IELTS	4	3
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng làm bài thi CAE, IELTS ≥ 6.5	9	4
4	Kỹ năng tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu, học liệu từ các nguồn khác nhau nhằm nâng cao trình độ	14	4
III.	Thái độ, phẩm chất		
5	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ cao và định hướng cách làm các dạng bài thi tiếng Anh trong nước và quốc tế phổ biến như CAE, IELTS. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng bài tập và cách viết biểu đồ cũng như ôn lại các thể loại văn viết luận; giúp sinh viên nhận biết các dạng bài đọc viết biểu đồ IELTS và bước đầu rèn luyện theo từng loại; giúp sinh viên ôn và rèn luyện các dạng viết bài luận, đặc biệt các chủ đề trong IELTS. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên vận dụng được kiến thức tổng quát và chi tiết về các phương pháp nghe hiểu-ghi chú-trình bày-

biện luận bằng tiếng Anh trình độ nâng cao; Ghi nhớ các từ vựng chuyên ngành trong từng bài nghe và các câu trúc cần thiết khi giao tiếp trong từng ngữ cảnh cụ thể ; Áp dụng được kỹ năng trình bày, tường thuật và thể hiện quan điểm cá nhân khi tham dự các bài thi tiếng Anh quốc tế cũng như để tự tin giao tiếp trong các tình huống thực tế.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Tập trung vào hoạt động theo nhóm dựa trên phương pháp dạy học: TBLT; PBLT qua đó sinh viên phát triển đồng đều kỹ năng đọc, viết, nghe, nói. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến (Ms Team). Sinh viên thường xuyên làm việc, thảo luận theo nhóm/ đội trong Breakout room, trình bày nội dung thảo luận với các nhóm. Sinh viên thường xuyên tham ra bài học theo phương pháp dạy và học Flipped classroom.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A	<i>Đánh giá ý thức</i>			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	3,4,5	
B	<i>Đánh giá định kỳ</i>			30%
B.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
	Bài kiểm tra (Mini test 1)	Tuần 6	1,2, 3	15%
	Bài kiểm tra (Mini test 2)	Tuần 12	1,2, 3	15%
B.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
	Ms Team Assignment 1	Tuần 6, 9	1,2,3	15%
	Ms Team Assignment 2	Tuần 1-12	1,2,3,4,5	15%
C	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>			60%
C.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>	Theo lịch của Học		

		viện		
	Bài thi kỹ năng Full test		1,2,3,4,5	
C.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
	Bài tập lớn /Tiểu luận	14	1,2,3,5	

Kỹ năng thuyết trình (Presentation Skill)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Kỹ năng thuyết trình
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Presentation Skill
Mã học phần:	NN02710
Học phần tiên quyết:	Nói 2
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	Máy tính nối mạng, loa, đài, đĩa, máy chiếu, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
	Lý Thuyết :2.0
	Thực hành: 1.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Giờ tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp kiến thức và các kỹ năng cơ bản trong thể hiện nội dung vấn đề, các kỹ năng cơ bản trong thu hút sự chú ý của người nghe, các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng ngôn ngữ, giọng nói trong việc trình bày vấn đề thông qua các chủ đề quen thuộc hàng ngày và một số chủ đề mang tính chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm, xử lý vấn đề... trong các tình huống giả định liên quan đến một số công việc thực tế.

3. Chuẩn đầu ra:

ST T	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng những nguyên tắc trong việc chuẩn bị và thực hiện thuyết trình như cách trả lời các câu hỏi, cách trình bày và phân tích số liệu, cách đặt vấn đề và dẫn dắt vấn đề	PLO 4	3

	để thu hút sự chú ý của người nghe, sử dụng giọng điệu, ngữ âm, cách nhấn với các thông tin quan trọng...trong nhiều tình huống khác nhau ngoài lớp học		
2	Vận dụng tốt các kiến thức về các lĩnh vực ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, khả năng sử dụng tốt vốn từ vựng/ngữ pháp căn bản và không mắc lỗi nghiêm trọng trong các dạng bài thuyết trình khác nhau như thuyết trình cung cấp thông tin (informative presentations), thuyết trình truyền đạt kiến thức (instructive presentations), thuyết trình thuyết phục (persuasive presentations), thuyết trình đưa ra quyết định (decision-making presentations), thuyết trình về tiến độ (progress presentations).	PLO 4	3
II	Kỹ năng		
3	Trình bày nội dung một cách rõ ràng với việc sử dụng các phương tiện và công cụ hỗ trợ, đặc biệt là Microsoft PowerPoint	PLO 8	4
4	Diễn đạt ý tưởng một cách hiệu quả trước cử tọa với việc áp dụng những kỹ thuật thuyết trình thường gặp	PLO 9	4
5	Phát triển khả năng làm việc theo nhóm và cá nhân	PLO 13	4
6	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện thông tin, dữ liệu, phục vụ việc tự học tự nghiên cứu.	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
7	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được triển khai theo hình thức lý thuyết kết hợp thực hành với các chủ đề cụ thể. Nội dung chính của học phần tập trung vào các bước từ chuẩn bị đến thực hành bài thuyết trình. Hình thức bài thuyết trình đa dạng như thuyết trình cá nhân, thuyết trình theo nhóm, thuyết trình qua video clip,... Qua đó, sinh viên không những rèn luyện kỹ năng trình bày trước người nghe mà còn nâng cao kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tìm tài liệu.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao như làm việc nhóm, thảo luận. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; hoạt động sinh viên thuyết trình và tự nghiên cứu. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A	Đánh giá ý thức			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	3,4,5,6	
B	Đánh giá định kỳ			30%
B.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp			
	Bài kiểm tra đánh giá kỹ năng thuyết trình 1 (Progress test 1)	Tuần 6	1,2, 3	15%
	Bài kiểm tra đánh giá kỹ năng thuyết trình 2 (Progress test 2)	Tuần 12	1,2, 3	15%
B.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Online presentation	Tuần 6-9	1,2,3	15%
	Presentation recording	Tuần 1-12	1,2,3,4,5,6	15%
C	Đánh giá kết thúc học phần			60%
C.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp	Theo lịch của Học viện		
	Bài thi thuyết trình		1,2,3,4,6	
C.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Bài tập lớn	14	1,2,3,5,6	

Thực hành đọc viết nâng cao (Advanced Reading and Writing Skills)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Thực hành đọc viết nâng cao

Tên học phần bằng tiếng Anh:	Advanced Reading and Writing Skills
Mã học phần:	NN02712
Học phần tiên quyết:	NN02705, NN02706, NN02707, NN02708
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 1.0
	Giờ tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn học này nhằm mục đích trang bị cho sinh viên kiến thức và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết ở trình độ cao để sinh viên có thể ứng dụng vào công việc liên quan đến tiếng Anh hằng ngày và phục vụ cho việc học các môn tiếp theo trong chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Anh. Ngoài ra môn học này còn cung cấp cho sinh viên cách nhận ra các dạng bài tập trong các đoạn văn, tăng cường lượng từ vựng học thuật và viết các thể loại văn (independent writing) cũng như các đoạn văn dựa vào biểu đồ (graph, chart) để biết cách làm các bài tập Đọc – Viết IELTS qua đó sinh viên tự luyện để thi IELTS ≥ 6.5 .

3. Chuẩn đầu ra

STT	CLO	PLO	Bậc
1	Vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, và các kỹ năng đọc lướt, đọc hiểu để hiểu các thông tin chi tiết cũng như ý chính các văn bản liên quan đến chuyên môn và nghề nghiệp; Có thể hiểu các văn bản dài, các tác phẩm văn học phức tạp; các bài đọc chuyên môn hoặc hướng dẫn kỹ thuật ngay cả khi không liên quan đến lĩnh vực của mình.	4, 9	3
2	Hiểu được hàm ý, thái độ của tác giả; suy luận được các thông tin trong văn bản	4,9	4
3	Viết các thể loại bài luận cũng như báo cáo tóm tắt biểu đồ (graph, chart) theo dạng IELTS		
4	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng đọc, viết để có thể hiểu được nội dung chính của các chủ đề cụ thể hoặc trừu tượng trong một văn bản phức tạp.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng bài tập và cách làm bài trong các bài đọc IELTS; cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng bài tập và cách viết biểu đồ cũng như ôn lại các thể loại văn viết luận; giúp sinh viên nhận biết các dạng bài đọc viết biểu đồ IELTS và bước đầu rèn luyện theo từng loại; giúp sinh viên ôn và rèn luyện các dạng viết bài luận, đặc biệt các chủ đề trong IELTS.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Tập trung vào hoạt động theo nhóm dựa trên phương pháp dạy học: TBLT; PBLT qua đó sinh viên có cơ hội phát huy tối đa kỹ năng nghe và nói. Sinh viên thường xuyên làm việc, thảo luận theo nhóm/ đội trong Breakout room, trình bày nội dung thảo luận với các nhóm. Sinh viên thường xuyên tham ra bài học theo phương pháp dạy và học Flipped classroom. Sinh viên thực hành, chia sẻ và nhận xét nội dung bài làm của nhau qua các ứng dụng như: Padlet, quizizz, peardeck, nearpod,..

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
A	<i>Đánh giá ý thức</i>			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	3,4	
B	<i>Đánh giá định kỳ</i>			30%
B.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
	Bài kiểm tra đọc - viết (Mini test 1)	Tuần 6	1,2, 3	15%
	Bài kiểm tra đọc - viết (Mini test 2)	Tuần 12	1,2, 3	15%
B.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
	Ms Team Assignment 1 (Kỹ năng đọc -viết)	Tuần 6, 9	1,2,3	15%
	Ms Team Assignment 2 (Kỹ năng đọc -viết)	Tuần 1-	1,2,3,4	15%

		12		
C	Đánh giá kết thúc học phần			60%
C.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp	Theo lịch của Học viện		
	Bài thi trên giấy kỹ năng Reading and Writing		1,2,3	
C.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Bài tập lớn/tiểu luận	14	1,2,3	

Thực hành nghe nói nâng cao (Advanced Listening and speaking)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Thực hành nghe nói nâng cao
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Advanced Listening and speaking skills
Mã học phần:	NN02711
Học phần tiên quyết:	NN02705, NN02706, NN02707, NN02708
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Yêu cầu khác đối với học phần	Lý Thuyết :2.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Thực hành: 1.0
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn học này nhằm mục đích trang bị cho sinh kiến thức và các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói ở trình độ cao để sinh viên có thể ứng dụng vào giao tiếp hàng ngày hay trong công việc và phục vụ cho việc học các môn tiếp theo trong chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Anh.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CLO	PLO	Bậc
1	Có thể nghe hiểu nội dung chính, ý chính các cuộc đối thoại, độc thoại về các vấn đề quen thuộc trong đời sống xã hội.	4,9	4
2	Vận dụng được các kỹ năng đã được rèn luyện để có thể trình bày một cách rõ ràng, chi tiết về nhiều loại chủ đề liên quan đến	4,9	4

	lĩnh vực mình quan tâm. Có thể giải thích một quan điểm nào đó về một vấn đề thời sự và chỉ ra được ưu điểm, nhược điểm của các phương án khác nhau.		
3	Phân tích, đánh giá tính logic hợp lý trong giao tiếp và sử dụng tiếng Anh hàng ngày để có thể diễn đạt ý mình một cách trôi chảy, tự nhiên và không gặp khó khăn khi tìm cách diễn đạt.	4,9	4
4	Hình thành và phát triển kỹ năng nghe nói ở độ cao, kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.	9,13	4
5	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	15	4

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và các kỹ năng nghe, nói ở trình độ cao để có thể tự diễn đạt một cách rõ ràng và chi tiết về một lượng lớn các chủ đề mà mình quan tâm; phát triển quan điểm về một vấn đề thời sự và nêu lên những ưu điểm và nhược điểm của những tình huống khác nhau. Có thể nghe được ngôn ngữ tiêu chuẩn, phát trực tiếp hoặc phát sóng truyền hình.

6. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Tập trung vào hoạt động theo nhóm dựa trên phương pháp dạy học: TBLT; PBLT qua đó sinh viên có cơ hội phát huy tối đa kỹ năng nghe nói. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến (Ms Team). Sinh viên thường xuyên làm việc, thảo luận theo nhóm/ đội trong Breakout room, trình bày nội dung thảo luận với các nhóm. Sinh viên thường xuyên tham gia bài học theo phương pháp dạy và học Flipped classroom. Sinh viên thực hành, chia sẻ và nhận xét nội dung bài làm của nhau qua các ứng dụng như: Padlet, quizizz, peardeck, nearpod,..

Kỹ năng phỏng vấn (Interviewing Skills)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Kỹ năng phỏng vấn
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Interviewing Skills
Mã học phần:	NN02714
Học phần tiên quyết:	Không
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Yêu cầu khác đối với học phần	Lý Thuyết :2.0 (30 giờ) Thực hành: 1.0 (30 giờ) Tự học: 90 giờ
Phân bổ giờ tín chỉ:	Tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn kỹ năng phỏng vấn được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện một cuộc phỏng vấn ở các thể loại khác nhau trong tác nghiệp báo chí. Môn học này hướng đến việc giúp người học hiểu về đặc trưng của thể loại phỏng vấn về ngôn ngữ, cấu trúc và người học có khả năng thực hiện phỏng vấn bằng những cách thức cụ thể.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CDR môn học	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phỏng vấn, các kỹ thuật, phương pháp phỏng vấn để thực hiện các cuộc phỏng vấn	4	3
II	Kỹ năng		
2	Thực hiện các cuộc phỏng vấn, tọa đàm bằng tiếng Anh trong tác nghiệp báo chí, truyền thông	13	4
III	Thái độ		
3	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	14	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp kiến thức về khái niệm, đặc điểm, phân dạng, hoàn cảnh sử dụng và các bước thực hiện sáng tạo một bài phỏng vấn; kiến thức về ưu điểm và hạn chế của bài phỏng vấn; kiến thức và các kỹ năng thực tế cho việc sáng tạo một cuộc phỏng vấn, tọa đàm trong nhiều lĩnh vực khác nhau

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao như đóng vai, mô phỏng, thảo luận, đánh giá chéo. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu và thực hiện các bài thuyết theo nhóm. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
<i>I</i>	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	4.5	10%
<i>B</i>	<i>Đánh giá định kỳ (Áp dụng cho cả học trực tuyến và trực tiếp)</i>			30%
1	Thuyết trình	3-12		
2	Đóng vai	12	3,4	
<i>C</i>	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>			
1	Bài tập lớn	Tuần 14	1,2,3, 5	60%

Kỹ năng viết tin tiếng Anh (Writing News in English)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Kỹ năng viết tin tiếng Anh
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Writing News in English
Mã học phần:	NN02713
Học phần tiên quyết:	NN02701, NN02702, NN02703, NN02704
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết bị âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học

Phần
Phân bổ giờ tín chỉ: Lý thuyết: 2,0 (30 giờ)
Thực hành: 1,0 (15 giờ)
Tự học: 90 giờ

Khoa phụ trách học phần: Ngoại ngữ

2. Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên có được các kiến thức cơ bản về cách thu thập thông tin, phát hiện vấn đề, tiêu điểm và cấu trúc văn bản tin trên báo tiếng Anh; và đồng thời giúp sinh viên có cơ hội thực hành áp dụng các kỹ năng viết tin cơ bản để viết các bản tin đơn giản bằng tiếng Anh về các chủ đề được gợi ý hoặc các chủ đề sinh viên tự phát hiện liên quan đến các sự kiện trong cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra

Stt	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Nhận biết được đặc trưng các loại văn bản, ngôn bản tin Tiếng Anh; cấu trúc, chi tiết và chức năng trong các tin bài tiếng Anh.	4,6	4
2	Vận dụng được các kiến thức về ngôn bản và viết tin bài vào việc viết một số thể loại tin bài tiếng Anh	4,6	6
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng cơ bản trong việc viết tin bài ở một số chủ đề, thể loại văn bản báo chí tiếng Anh	9,11	4
III	Thái độ, phẩm chất		
4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	13	3
5	Khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.	14	3

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các đặc điểm cơ bản của tin tức và cách viết tin trên báo tiếng Anh, đồng thời giúp sinh viên có cơ hội thực hành luyện tập viết tin ngắn về các sự kiện thường xảy ra dựa trên các thông tin được cung cấp hoặc thu thập được.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học trải nghiệm, hợp tác và dựa trên nghiên cứu. Các hoạt động học tập bao gồm phân tích bài mẫu, thảo luận, hoạt động nghiên cứu, thuyết trình nhóm, thảo luận chuyên đề. Dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Sinh viên sẽ phải

ngiên cứu và thực hiện các dự án và thuyết trình theo nhóm. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

4.1. Hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá

	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
A.	Đánh giá ý thức			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	6, 7	10%
B.	Đánh giá định kỳ			
1	Bài kiểm tra giữa kì	Tuần 6	1, 2, 3, 4, 5	30%
2	Bài kiểm tra giữa kì	12	1, 2, 3, 4, 5	
C.	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Danh mục sản phẩm	Tuần 14	1, 2, 3, 4, 5	60%

Công nghệ trong dịch thuật (Technology in Translation)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần bằng tiếng Anh (nếu có): Technology in Translation
- Mã học phần: NN02734
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: NN02723
- Loại học phần : Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp
- Các yêu cầu khác đối với học phần:
- Phân bổ giờ tín chỉ:
 - + Giờ lý thuyết: 1 TC* 15 = 15
 - + Giờ thực hành: 2 TC* 30 = 60
 - + Giờ tự học: 90 giờ

Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Tổ Bộ môn Ngôn ngữ Anh

2. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm phát triển cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ trong dịch thuật các văn bản Anh- Việt và Việt – Anh, bao gồm các kiến thức và kỹ năng sử dụng các ứng dụng internet hữu ích trong dịch thuật, kỹ năng tra cứu internet, kỹ năng sử dụng phần mềm nhận dạng văn bản OCR, và hai phần mềm tiêu biểu và phổ biến nhất hiện nay trong hỗ trợ công việc dịch thuật Anh-Việt và Việt-Anh: Wordfast và Trados. Người học cũng hình thành thái độ nghiêm túc, khách quan

trong quá trình dịch thuật, kỹ năng dịch thuật hiệu quả và làm việc hợp tác.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

ST T	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức về một số các phần mềm máy tính hữu ích để xử lý, làm việc với các văn bản cần dịch; vận dụng các kiến thức về phần mềm nhận dạng văn bản OCR trong xử lý các văn bản dịch ở mọi hình thức (file pdf, file ảnh, file phonk chữ lỗi, file scan ...).	PLO 8	3
2	Vận dụng các kiến thức về chức năng, tính năng và cách sử dụng của hai công nghệ hỗ trợ dịch máy bao gồm Wordfast và Trados để dịch các bản dịch Anh – Việt; Việt – Anh	PLO 11	3
II	Kỹ năng		
3	Phối hợp các kỹ năng sử dụng các tính năng hữu ích trên MS Office, các kỹ năng xử lý các dạng văn bản trước dịch và các kỹ năng tra cứu internet để tiến hành dịch các loại văn bản.	PLO 11	4
4	Kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm xử lý bản dịch áp dụng các tính năng công nghệ.	PLO11, 14	4
5	Nắm vững kỹ năng thực hiện các tính năng trong phần mềm CAT: wordfast và trados để tiến hành dịch các loại văn bản mà không cần tư duy nhiều về mặt kỹ thuật.	PLO 11	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Thái độ nghiêm túc, chuyên nghiệp trong quá trình sử dụng công nghệ trong dịch thuật, tinh thần trách nhiệm và có định hướng, động lực đối với nghề nghiệp biên dịch tương lai.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung về giới thiệu và luyện tập các tính năng hữu ích trong MS Office liên quan đến xử lý văn bản dịch và dịch các loại văn bản, giới thiệu và thực hành kỹ năng tra cứu internet phục vụ quá trình dịch; giới thiệu, thực hành dịch các loại văn bản đã qua xử lý trên hai phần mềm thông dụng nhất hiện nay:

Wordfast và Trados;

5. Phương pháp dạy học

Dạy học theo đường hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và hoạt động nghiên cứu chuẩn bị tài liệu ở nhà của sinh viên. Các giờ tự học và tự nghiên cứu của sinh viên đóng vai trò quan trọng trong thực hành môn học. Các hoạt động dạy - học bao gồm các giờ giảng lý thuyết, các buổi thực hành theo từng chuyên đề (workshop) với các hoạt động sinh viên thảo luận về các vấn đề nảy sinh trong các hoạt động thực hành làm việc độc lập cũng như theo nhóm, v.v. Dạy học trên hình thức demo các thao tác và vận dụng kiến thức vào thực tế dịch.

Kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

ST T	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CLO Được đánh giá	Trọng số điểm
A	<i>Đánh giá ý thức</i>			10%
1	Chuyên cần, tham gia các hoạt động học tập	Tuần 1-15		10%
B	<i>Đánh giá định kỳ</i>			30%
1	Hoàn thành các bài trong phần practice và gửi bài trực tiếp lên teams hoặc qua email của giảng viên dạy học	Tuần 1-15	1,2,4,6	15%
2	Kiểm tra : Làm bài test trực tiếp trên máy tính và nộp kết quả bài làm sau thời gian nhất định lên teams. + Trường hợp học trực tiếp, sinh viên sẽ làm tại phòng máy của trường. + Trường hợp học tập trực tuyến, sinh viên sẽ làm trên máy tính cá	Tuần 8	1,2,3	15%

	nhân và nộp bài lên teams.			
C	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Test: thi thực hành trên máy + Trong trường hợp học tập trực tiếp: tại phòng máy của nhà trường + Trong trường hợp học trực tuyến: làm trên máy tính của sinh viên và nộp bài trên teams	Theo thông báo của Học viện	1,3,6	60%

Kỹ năng viết báo cáo (Report Writing)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Kỹ năng viết báo cáo
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Report Writing
Mã học phần:	NN02716
Học phần tiên quyết:	NN02704
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Yêu cầu khác đối với học phần	Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 1.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp kiến thức về những đặc điểm của báo cáo, các loại báo cáo, cách thu thập và phân tích số liệu, một số đặc điểm khác của báo cáo trong thương mại; cách viết báo cáo và phát triển kỹ năng qua các bài tập được giao, tìm và tự nghiên cứu tài liệu

3. Chuẩn đầu ra

STT	CĐR môn học (CLO)	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng các kiến thức về cấu trúc, đặc điểm ngôn ngữ và văn phong để phân tích các loại báo cáo trong Tiếng Anh	4	3
2	Vận dụng các kiến thức về cấu trúc, đặc điểm ngôn ngữ và văn phong để viết báo cáo kinh doanh trong tiếng Anh	4	3
II	Kỹ năng	9	4

3	Kỹ năng cơ bản trong viết báo cáo kinh doanh trong tiếng Anh	13	4
4	Kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập cũng như hợp tác trong nhóm.	14	4
5	Kỹ năng năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.	14	4
III	Phẩm chất, thái độ		
6	Trung thực, cầu thị, nghiêm túc, khách quan	15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung liên quan đến kỹ năng viết báo cáo như: các dạng báo cáo, hình thức, cách lấy số liệu, đánh giá và phân tích số liệu. Cách viết báo cáo trong thương mại. Sinh viên sẽ được cung cấp các dạng bài tập và các câu hỏi để thực hành cũng như tự nghiên cứu và tìm tài liệu.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy năng lực tự chủ, khả năng tự học; áp dụng các phương pháp học tập trải nghiệm, bao gồm các hoạt động phân tích bài mẫu, thảo luận, workshop thực hành, thuyết trình. Kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu và thực hiện các bài thuyết theo nhóm. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
<i>I</i>	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên,	Tuần 1-12	4,5,6	10%
<i>B</i>	<i>Đánh giá định kỳ (dành cho học trực tiếp và trực tuyến)</i>			30%
1	Bài thuyết trình của sinh viên trong 12 tuần	Tuần 1-12	1,2,3,4	
<i>C</i>	<i>Đánh giá kết thúc học phần (dành cho học trực tiếp và trực tuyến)</i>			

1	Bài tập lớn	Tuần 14	1,2,3,4	60%
---	-------------	---------	---------	-----

Tiếng Anh Du lịch (English for Tourism)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Tiếng Anh Du lịch
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English for Tourism
Mã học phần:	NN02717
Học phần tiên quyết:	Không
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	Máy tính nối mạng, loa, đài, đĩa, máy chiếu, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 1.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Giờ tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch lữ hành, các khái niệm cơ bản liên quan đến giao tiếp với người nước ngoài, các quy tắc ứng xử trong các tình huống giao tiếp với người nước ngoài, các dạng văn bản thông thường trong công việc dịch vụ du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội thực hành xử lý một số tình huống phổ biến xảy ra trong lĩnh vực Du lịch – Lữ hành để thực hành áp dụng các kiến thức về từ vựng, cấu trúc và ý tưởng đã được học.

3. Chuẩn đầu ra:

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng những nguyên tắc trong việc chuẩn bị và thực hiện thuyết trình trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến chiến lược quảng cáo, tiếp thị các sản phẩm Du lịch.	PLO 4	3
2	Vận dụng tốt các kiến thức về các lĩnh vực ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, khả năng sử dụng tốt vốn từ vựng/ngữ pháp căn bản và không mắc lỗi nghiêm trọng khi diễn đạt những suy nghĩ phức tạp hay gặp phải các nội dung, ngữ cảnh và tình huống ít gặp trong Du lịch.	PLO 4	3

II	Kỹ năng		
3	Trình bày nội dung một cách rõ ràng với việc sử dụng các phương tiện và công cụ hỗ trợ, đặc biệt là Microsoft PowerPoint	PLO 8	4
4	Diễn đạt ý tưởng một cách hiệu quả trước người nghe với việc áp dụng những kỹ thuật thuyết trình thường gặp	PLO 9	4
5	Phát triển khả năng làm việc theo nhóm và cá nhân	PLO 13	4
6	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện thông tin, dữ liệu, phục vụ việc tự học tự nghiên cứu.	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức nghiệp vụ cơ bản liên quan đến Du lịch – Lữ hành. Sinh viên được cung cấp các kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thường xuất hiện trong các tình huống cụ thể liên quan đến Du lịch. Qua đó rèn luyện, nâng cao các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết của sinh viên. Bên cạnh đó, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm được tập trung nhiều ở học phần này giúp sinh viên dễ tiếp thu kiến thức hơn.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao như thảo luận, đóng vai, làm việc nhóm. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; các hoạt động thuyết trình và sinh viên tự nghiên cứu. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
-----	---------------------------------	-----------	---------------	---------------

A	Đánh giá ý thức			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-18	3,4,5,6	
B	Đánh giá định kỳ			30%
B.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp			
	Bài kiểm tra đánh giá 1 (Progress test 1)	Tuần 6	1,2, 3	15%
	Bài kiểm tra đánh giá 2 (Progress test 2)	Tuần 12	1,2, 3	15%
B.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Quizzes	Tuần 6, 9	1,2,3	15%
	Journal	Tuần 1-12	1,2,3,4,5,6	15%
C	Đánh giá kết thúc học phần			60%
C.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp	Theo lịch của Học viện		
	Bài thi tổng hợp		1,2,3,4,6	
C.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Bài tập lớn	14	1,2,3,5,6	

Tiếng Anh ngân hàng (English for Banking)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tiếng Anh ngân hàng
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English for Banking
Mã học phần:	NN02718
Học phần tiên quyết:	Các học phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
Yêu cầu khác đối với học phần	Phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý Thuyết :2.0
Khoa phụ trách học phần:	Thực hành: 1.0 – Tự học: 120 giờ
	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn học này nhằm mục đích cung cấp các thuật ngữ cơ bản về dịch vụ ngân hàng, các khái niệm cơ bản liên quan đến tiền tệ và giao dịch ngân hàng, các dạng văn bản thông thường trong hoạt động giao dịch kinh doanh của ngân hàng.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng các kiến thức trong về ngân hàng bao gồm các vấn đề liên quan đến lịch sử của ngân hàng, cấu trúc của ngân hàng quốc gia, ngân hàng trung ương, tiền, các sản phẩm bán lẻ của ngân hàng, các khoản vay, tín dụng, các khoản vay mua nhà, vv trong các bài học phục vụ cho công việc dịch thuật tài liệu liên quan đến ngân hàng, các công việc có thể đảm nhiệm trong ngân hàng.	PLO 4	3
II	Kỹ năng		
2	Đọc hiểu một số văn bản thông dụng trong ngân hàng như sao kê; Viết emails, thư cho khách hàng; Nghe hiểu các đoạn hội thoại giữa nhân viên ngân hàng và khách hàng; Nghe và trả lời các điện thoại với khách hàng, và giao tiếp với khách hàng thành thạo.	PLO 9	4
3	Kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong trong các buổi học trên lớp, bài tập nhóm ở nhà.	PLO13	4
4	Kỹ năng phân tích, phản biện, tổng hợp thông tin và giải quyết vấn đề, tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức về lĩnh vực kinh doanh, thương mại.	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
5	Có nhiệt huyết trong học tập, có tác phong học tập khoa học, nghiêm túc, biết hỗ trợ, giúp đỡ bạn cùng học.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành ngân hàng, các khái niệm cơ bản về dịch vụ ngân hàng, các khái niệm cơ bản liên quan đến tiền tệ và giao

dịch ngân hàng, các dạng văn bản thông thường trong công việc giao dịch kinh doanh ngân hàng.

5. Phương pháp dạy học:

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong những điều kiện đặc biệt, khi cần thiết hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
A	Đánh giá ý thức			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	4,5,6	10%
B	Đánh giá định kỳ			30%
1	Trong trường hợp học trực tiếp			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận trên giấy	Tuần 8	3,5	30%
2	Trong trường hợp học trực tuyến			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận online	Tuần 8		30%
C	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Bài thi trắc nghiệm, tự luận trên giấy (trường hợp học trực tiếp)	Tuần 14	1,2,3,4,5,6	60%
2	Bài thi trắc nghiệm, tự luận online (trường hợp học online)	Tuần 14	1,2,3,4,5,6	60%

Tiếng Anh Ngoại giao (English for Foreign Affairs)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tiếng Anh Ngoại giao
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English for Foreign Affairs
Mã học phần:	NN02719
Học phần tiên quyết:	NN02705, NN02706, NN02707, NN02708

Vị trí và loại học phần:	Kiến thức cơ sở ngành, tự chọn
Yêu cầu khác đối với học phần:	Phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 1.0
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn học nhằm mục cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh cũng như một số thể thức trong lĩnh vực ngoại giao, qua đó phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp ngoại giao và các hoạt động đối ngoại khác.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CDR môn học	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Nắm được kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh cơ bản (từ vựng, ngữ âm) về lĩnh vực ngoại giao	4	2
2	Áp dụng được kiến thức tiếng Anh cơ bản đã học vào các tình huống giao tiếp và công việc có liên quan đến các hoạt động đối ngoại cụ thể.	4	3
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trong các tình huống ngoại giao	13	4
4	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu	14	4
III	Thái độ		
5	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực, hứng thú tìm hiểu, phản hồi, thể hiện quan điểm cá nhân, phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.	16	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm các kiến thức ngôn ngữ như thuật ngữ, trường từ vựng, ngữ điệu, cấu trúc, các bài tập thực hành rèn luyện, phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp ngoại giao cụ thể, trong các quy tắc, nghi lễ cũng như hoạt động đối ngoại, nghi thức ngoại giao, văn bản ngoại giao và các hoạt động đối ngoại khác.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các

hoạt động học tập mang tính hợp tác cao như đóng vai, mô phỏng, thảo luận. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu và thực hiện các bài thuyết trình cá nhân cũng như theo nhóm. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
A	<i>Đánh giá ý thức</i>			10%
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	1-5	
B	<i>Đánh giá định kỳ (Áp dụng trong cả học trực tiếp và trực tuyến)</i>			30%
1	Đóng vai, mô phỏng	Tuần 1-12	1,2	15%
2	Thuyết trình theo nhóm	1-12	1,2,3,4,5	15%
C	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Áp dụng trong cả học trực tiếp và trực tuyến)</i>			60%
1	Bài tập dự án (mô phỏng MUN)	Tuần 14	1,2,3,4,5	

Dẫn luận ngôn ngữ (Introduction to Language)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Dẫn luận ngôn ngữ
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Introduction to Language
Mã học phần:	NN02720
Học phần tiên quyết:	NN02705, NN02706, NN02707, NN02708
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết bị âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý thuyết: 2,0 – Thực hành: 1,0

Giờ tự học: 90 giờ
 Khoa phụ trách học phần: Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên có được các kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy và những tri thức chung về các bình diện ngôn ngữ cũng như mối liên quan giữa các bình diện này.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

ST T	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực lý thuyết ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, hình thái học, cú pháp học và dụng học để phân tích được các loại văn bản, ngôn bản.	PLO 4	5
II	Kỹ năng		
2	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm	PLO 13	4
3	Kỹ năng nghiên cứu các vấn đề lý luận trong ngôn ngữ Anh;	PLO 10	4
4	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện các thông tin tài liệu phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu	PLO14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
5	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình dịch thuật, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người; về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy; các dạng tồn tại của ngôn ngữ, những kiến thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng ở mức độ giới thiệu.

5. Phương pháp dạy học:

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học,

kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong những điều kiện đặc biệt, khi cần thiết hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

Stt	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A. Đánh giá ý thức				
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	3, 4	10%
B. Đánh giá định kỳ				
B.1 Trong trường hợp học tập trực tiếp				
1	Bài thi kiểm tra giữa kì (Bài tập tình huống 1)	Tuần 6	1, 2	30%
2	Bài thuyết trình theo nhóm (Group presentation)	12	1, 2	
B.2 Trong trường hợp học tập trực tuyến				
1	Regular assignments			
2	Bài thuyết trình theo nhóm Group presentation (breakout room)			
C. Đánh giá kết thúc học phần				
C.1 Trong trường hợp học tập trực tiếp				
	Bài thi viết	Tuần 14	1, 2	60%
C.2 Trong trường hợp học tập trực tuyến				
	Bài tập lớn			

Ngữ pháp (English grammar)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Ngữ pháp
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English grammar
Mã học phần:	NN02653
Học phần tiên quyết:	NN02720, NN02724
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học

phần
 Lý Thuyết :2.0
 Phân bổ giờ tín chỉ: Thực hành: 1.0
 Khoa phụ trách học phần: Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm mục đích trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ pháp và một số phương pháp nghiên cứu ngữ pháp tương ứng để sinh viên có kiến thức nhất định trong việc nghiên cứu ngôn ngữ và làm cơ sở để học những môn học tiếp theo.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về ngữ pháp học như hình thái học, cú pháp học,...vv. Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả cấu tạo từ loại, phương thức cấu tạo từ và những thuật ngữ khái niệm có liên quan.	4	2
2	Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc xác định và phân tích câu trên cơ sở lý thuyết về ngữ pháp	5	3
II	Kỹ năng		
3	Phân tích, đánh giá một văn bản về các vấn đề ngữ pháp đã học.	10	4
III	Thái độ		
4	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	12	
5	Hình thành và phát triển kỹ năng biên dịch ở trình độ cao, kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.	13	

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về hình thái học và cú pháp học, những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả cấu tạo từ loại và các động từ cơ bản trong tiếng Anh, những đặc điểm cơ bản của tính từ, danh từ, động từ, và trạng từ trong tiếng Anh các phương thức cấu tạo từ chủ yếu và thứ yếu. Phân biệt được các cụm từ đơn, cụm từ phức, cụm từ cơ sở. Khái niệm cơ bản về câu và cú, phân biệt được câu đơn, câu phức và câu ghép vv.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A	<i>Đánh giá ý thức</i>			
I	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	4,9,10,11	10%
B	<i>Đánh giá định kỳ</i>			30%
1	Bài kiểm tra viết 1 (Progress test 1)	Tuần 6	2,3	
2	Bài kiểm tra viết 2 (Progress test 2)	12	3,4	
C	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>			
1	Bài thi viết	Tuần 14	4,9,10,11,12	60%

Phong cách học và Văn phong báo chí tiếng Anh (Stylistics and English Newspaper Style)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Phong cách học và Văn phong báo chí tiếng Anh
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Stylistics and English Newspaper Style
Mã học phần:	NN02721
Học phần tiên quyết:	NN02720
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học	phòng học có máy chiếu và các thiết bị âm thanh,

phần	thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý thuyết: 3,5 – Thực hành: 1,5 Giờ tự học: 150 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về phong cách học và các phong cách chức năng, có kiến thức cơ bản về những đặc trưng của văn phong báo chí tiếng Anh, nắm bắt được nội dung của các tác phẩm báo chí tiếng Anh và sử dụng những kiến thức đặc trưng của văn phong báo chí tiếng Anh một cách hiệu quả trong việc phiên dịch, biên tập các tác phẩm thông tấn và viết báo tiếng Anh.

3. Chuẩn đầu ra

ST T	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực lý thuyết ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, hình thái học, cú pháp học và dụng học để phân tích được các loại văn bản, ngôn bản, các kiến thức về các đặc trưng của văn phong báo chí tiếng Anh, bao gồm cấu trúc bài báo, đặc trưng văn bản tin tiếng Anh, các hiện tượng ngôn ngữ đặc thù để hiểu, phân tích được các loại văn bản, ngôn bản được đăng tải trên các dạng báo tiếng Anh.	PLO 4	5
2	Vận dụng sáng tạo các kiến thức về ngôn ngữ, văn phong báo chí; kiến thức về các lĩnh vực chuyên ngành trong quá trình biên, phiên dịch	PLO 6	5
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm	PLO 13	4
4	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong ngôn ngữ báo chí tiếng Anh;	PLO 10	4
5	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện các thông tin tài liệu phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		

6	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình dịch thuật, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	4
---	--	--------	---

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp khái niệm và sự phân chia phong cách chức năng của từ vựng tiếng Anh, các phương thức biểu cảm và biện pháp tu từ, các đặc trưng của các phong cách chức năng tiếng Anh: cấu trúc của một bài báo tiếng Anh, các thể loại chính của báo tiếng Anh, các hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng của báo tiếng Anh, ảnh hưởng của những tương đồng và dị biệt về cấu trúc, thể loại và đặc trưng ngôn ngữ đến việc dịch báo Anh - Việt, Việt - Anh và viết báo tiếng Anh.

5. Phương pháp dạy học:

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong những điều kiện đặc biệt, khi cần thiết hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

Stt	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A.	<i>Đánh giá ý thức</i>			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	5, 6	10%
B.	<i>Đánh giá định kỳ</i>			
B.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
1	Bài thi kiểm tra giữa kì (Progress test 1)	Tuần 6	1, 2, 3, 4	30%
2	Bài thuyết trình theo nhóm (Group presentation)	12	1, 2, 3, 4	
B.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
1	Regular assignments			
2	Bài thuyết trình theo nhóm Group presentation (breakout room)			

C.	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Bài tập lớn	Tuần 14	1, 2, 3, 4	60%

Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Ngôn ngữ học đối chiếu
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Contrastive Linguistics
Mã học phần:	NN02722
Học phần tiên quyết:	NN02720
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết bị âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý thuyết: 2,0 – Thực hành: 1,0 Giờ tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên dựa trên kiến thức về các bình diện ngôn ngữ học tương đối hoàn chỉnh trang bị cho mình những cơ sở lí luận để phân tích đối chiếu hai hệ thống ngôn ngữ (ngôn ngữ đích và tiếng mẹ đẻ, với đại diện là tiếng Anh và Việt). Học phần cũng giúp tìm ra những nét tương đồng và dị biệt giữa hai ngôn ngữ – Anh và Việt – nhằm phục vụ cho mục đích chính của khoá học là dịch thuật (làm chủ được cả hai ngôn ngữ và nhận biết được mối quan hệ giữa chúng qua sự thể hiện đa dạng trong thực tế)

3. Chuẩn đầu ra

ST T	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức về các lĩnh vực lý thuyết ngôn ngữ Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, hình thái học, cú pháp học và dụng học để phân tích, đánh giá được các loại văn bản, ngôn bản tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt	PLO 4	5
2	Vận dụng sáng tạo các kiến thức về ngôn ngữ, văn phong	PLO 6	5

	báo chí; kiến thức về các lĩnh vực chuyên ngành trong quá trình biên, phiên dịch		
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm	PLO 13	4
4	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và nghiên cứu các vấn đề lý luận trong ngôn ngữ Anh và Việt	PLO 10	4
5	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện các thông tin tài liệu phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình dịch thuật, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và các bước cơ bản trong so sánh hai hệ thống ngôn ngữ (Tiếng Anh và tiếng Việt) từ các đơn vị nhỏ nhất đến lớn nhất: âm vị – hình vị – từ – ngữ – cú – câu, thấy rõ những nét giống và khác nhau ở các cấp độ đó. Đồng thời học phần giúp sinh viên thực hành và phát hiện sự tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ, kết hợp với các yếu tố văn hoá và những ảnh hưởng khác, làm cơ sở cho sinh viên tìm được cách thể hiện tương đương của ngôn ngữ đích trong quá trình dịch thuật

5. Phương pháp dạy học:

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong những điều kiện đặc biệt, khi cần thiết hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

Stt	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
A.	Đánh giá ý thức			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt	Tuần 1-12	5, 6	10%

	động học tập của sinh viên			
B.	Đánh giá định kỳ			
B.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp			
1	Bài thi kiểm tra giữa kì (Bài tập tình huống 1)	Tuần 6	1, 2, 3, 4	30%
2	Bài thuyết trình theo nhóm (Group presentation)	12	1, 2, 3, 4	
B.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
1	Regular assignments			
2	Bài thuyết trình theo nhóm Group presentation (breakout room)			
C.	Đánh giá kết thúc học phần			
C.1	Trong trường hợp học tập trực tiếp	Tuần 14	1, 2, 3, 4	60%
	Bài thi viết			
C.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
	Bài tập lớn			

Lý thuyết dịch (Translation and Interpretating Theory)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Lý thuyết dịch
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Translation and Interpretating Theory
Mã học phần:	NN02723
Học phần tiên quyết:	NN02720, NN02653
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 1.0
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Môn học này nhằm mục đích trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về dịch thuật; Các yếu tố cơ bản trong lý thuyết dịch thuật; Kiến thức, nguyên tắc và các phương pháp dịch thuật; Nhận thức về vai trò của người dịch trong việc chuyển dịch văn bản; Khả năng tích lũy kiến thức và nâng cao hiểu biết về văn hoá thông qua dịch thuật.

3. Chuẩn đầu ra(CLO)

STT	CLO	PLO	BẬC
I	Kiến thức		
1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về lý thuyết biên, phiên dịch	4	2
2	Vận dụng được các kỹ thuật dịch trong lý thuyết vào thực hành biên, phiên dịch	5	3
II	Kỹ năng		
3	Phân tích, đánh giá một bản dịch và khả năng biên tập.	11	4
4	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	12	4
III	Thái độ, phẩm chất		4
5	Hình thành và phát triển kỹ năng biên dịch ở trình độ cao, kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.	14	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bản chất của việc biên dịch và phiên dịch, các thể loại biên, phiên dịch, các nguyên tắc cơ bản của dịch thuật, các bước cơ bản trong qua trình dịch thuật. Học phần giúp sinh viên có kiến thức về dịch thuật và biết ứng dụng các kiến thức đó vào các học phần thực hành dịch tiếp sau đó để có kỹ năng nghề nghiệp của một biên, phiên dịch khi kết thúc chương trình học. Học phần được chia thành 6 chương trong đó 3 chương dành cho biên dịch và 3 chương dành cho phiên dịch.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời	CĐR	Trọng số
-----	---------------------------------	------	-----	----------

		gian	tương ứng	điểm
A	Đánh giá ý thức			
I	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	4,5,6	10%
B	Đánh giá định kỳ			30%
1	Bài kiểm tra viết 1 (Progress test 1)	Tuần 6	3,5	
2	Bài kiểm tra viết 2 (Progress test 2)	12	4,6	
C	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Bài thi viết	Tuần 14	1,2,3,4,5,6	60%

Ngữ âm học (Phonetics and Phonology)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Ngữ âm học
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Phonetics and Phonology
Mã học phần:	NN02724
Học phần tiên quyết:	NN02705, N02706, NN02707, NN02708
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 1.0
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ âm và âm vị học và một số phương pháp nghiên cứu về ngữ âm và âm vị học để giúp người học có một nền tảng kiến thức nhất định trong việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ cũng như tiếp tục học những môn tiếp theo trong chương trình đào tạo ngôn ngữ Anh.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CLO	PLO	Bậc
-----	-----	-----	-----

I	Kiến thức		
1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học. Hiểu được những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh, lời nói và hệ thống ký hiệu âm tiếng.	4	2
II	Kỹ năng		
2	Vận dụng được những khái niệm đó trong việc nhận diện và phân loại âm vị và âm thanh trong hệ thống âm tiếng Anh	5	3
3	Áp dụng được những kiến thức đã học vào phân tích những phát âm cụ thể và phát âm chuẩn cũng như hướng dẫn được người khác trong quá trình học tiếng Anh	10	3
III.	Thái độ		
4	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	12	4
5	Hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.	13	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học cũng như những khái niệm cần thiết để miêu tả âm thanh lời nói và hệ thống ký hiệu âm trong tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên có kiến thức về ngữ âm và âm vị học từ đó sinh viên có thể tự điều chỉnh cũng như biết cách phát âm câu từ sao cho sát với chuẩn của người bản xứ nói tiếng Anh.

Học phần được chia thành 2 phần. Phần 1 có 3 chương về ngữ âm, phần 2 có 5 chương về âm vị học. Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về ngữ âm và âm vị học cũng như áp dụng các kiến thức đó và thực hành tiếng và nghiên cứu giảng dạy tiếng Anh

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao như thảo luận, làm việc nhóm. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời	CDR tương	Trọng
-----	---------------------------------	------	-----------	-------

		gian	ứng	số điểm
A	Đánh giá ý thức			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	4,8,9,10,11,13	10%
B	Đánh giá định kỳ			30%
1	Bài kiểm tra viết 1 (Progress test 1)	Tuần 6	1,2	
2	Bài kiểm tra viết 2 (Progress test 2)	12	3,4	
C	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Bài thi viết	Tuần 14	4,8,9,10,11,13	60%

Văn hoá Anh – Mỹ
(Cultural Studies of the UK and the USA)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Văn hóa Anh-Mỹ
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Cultural Studies of the UK and the USA
Mã học phần:	NN02659
Học phần tiên quyết:	Đủ kiến thức để theo học học phần
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành bắt buộc
Yêu cầu khác đối với học phần	phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
	Lý Thuyết :2.0
	Thực hành: 1.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Tự học : 60 tiết
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về đời sống văn hóa, xã hội, chính trị, kinh tế, địa lý của hai quốc gia nói tiếng Anh là vương quốc Anh và hợp chủng quốc Hoa kỳ, đất nước và con người Anh và hợp chủng quốc Hoa kỳ, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của vương quốc Anh và hợp chủng quốc Hoa kỳ. Môn học cung cấp nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đó trong tiếp thu ngôn ngữ anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá phát triển kỹ năng ngôn ngữ và một số kỹ năng thực hành như phân tích,

thuyết trình, tranh luận và làm việc nhóm. Sinh viên có thái độ ý thức, tích cực trong việc lĩnh hội kiến thức và làm việc cá nhân và tập thể.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng được các kiến thức về các lĩnh vực ngôn ngữ Anh, các kiến thức về văn hoá, chính trị, giáo dục, kinh tế của Anh – Mỹ vào trong việc dịch thuật và các môn chuyên ngành.	PLO 4	4
II	Kỹ năng		
2	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và nghiên cứu các vấn đề văn hóa, chính trị, giáo dục, kinh tế của Anh và Mỹ.	PLO 10	4
3	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối, làm dự án trong các hoạt động nhóm	PLO13	5
4	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện các thông tin tài liệu phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu	PLO 14	5
III	Thái độ, phẩm chất		
5	Thái độ nghiêm túc, khách quan trong quá trình lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần cầu thị, ham học hỏi.	PLO 15	5

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp lịch sử, quá trình hình thành Vương Quốc Anh hoặc một số nước trong khối Anh ngữ cũng như hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ biết thêm hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, các phong tục tập quán, các ngày lễ hội chính ở Anh và Mỹ.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao như thảo luận, làm việc nhóm. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; các hoạt động thuyết trình và tự nghiên cứu của người học. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
A	Đánh giá ý thức			
<i>I</i>	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	3,5	10%
B	Đánh giá định kỳ			30%
<i>B.1</i>	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
1	Bài kiểm tra viết 1 (Progress test 1)	Tuần 7	1,2,4	
2	Bài kiểm tra viết 2 (Progress test 2)	13	1,2,4	
<i>B.2</i>	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
	Bài kiểm tra viết 1 (Progress test 1) (google form)	7	1,2,4	
	Bài kiểm tra viết 2 (Progress test 2) (google form)	13	1,2,4	
C	Đánh giá kết thúc học phần			
<i>C.1</i>	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
1	Bài thi viết	Theo lịch đào tạo	1,2,4	60%
<i>C.2</i>	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>			
	Tiểu luận	Theo lịch đào tạo	1,2,4	60%

Văn học Anh – Mỹ (English – American Literature)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Văn học Anh - Mỹ
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English – American Literature
Mã học phần:	NN02610
Học phần tiên quyết:	NN02720
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành tự chọn

Yêu cầu khác đối với học phần

phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần

Lý Thuyết :2.0

Thực hành: 1.0

Giờ tự học: 90 giờ

Phân bổ giờ tín chỉ:

Khoa phụ trách học phần: Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu học phần:

Trích đọc và phân tích ngôn ngữ, nội dung, đặc điểm nhận vật, ý nghĩa, bài học của các tác phẩm nguyên bản. Nhận xét được tính nhân văn của tác phẩm văn học, qua đó biết đánh giá phong cách viết của một tác giả; sự phát triển của văn học Anh và Mỹ. Hiểu được xã hội và thời đại của nước Anh và Mỹ phản ánh trong các tác phẩm văn xuôi, truyện ngắn, thơ hay kịch.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

ST T	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Hiểu được nội dung, phân tích và đánh giá được những tác phẩm của văn học Anh-Mỹ, và có khả năng nêu ra cái nhìn riêng biệt của mình về từng vấn đề của tác phẩm; qua đó hiểu được nội dung của tác phẩm và ý tưởng của tác giả.	PLO 4	5
2	Vận dụng các kiến thức đã học vào sáng tác thơ hoặc truyện ngắn bằng tiếng Anh	PLO 4	6
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá tác phẩm văn học Anh-Mỹ.	PLO 10	4
4	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng hợp tác, điều phối trong các hoạt động nhóm	PLO13	4
5	Kỹ năng tra cứu, phân tích có phản biện các thông tin tài liệu phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu	PLO 14	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Có thái độ đúng đắn với môn văn học. Cảm nhận sâu	PLO 15	4

	sắc giá trị tư tưởng - nghệ thuật của tác phẩm văn học, và áp dụng được những bài học đạo đức vào cuộc sống và công việc.		
--	---	--	--

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu một số tác giả và tác phẩm Văn học Anh – Mỹ như: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch và thơ. Những tác phẩm này sẽ giúp sinh viên hiểu được văn hóa, tư tưởng, xã hội trong từng giai đoạn lịch sử của nước Anh – Mỹ, và văn phong của từng tác giả. Sinh viên phát triển tư duy lập luận, phân tích giá trị của tác phẩm, ngôn ngữ, rút ra được bài học đạo đức trong từng tác phẩm.

5. Phương pháp dạy học

Dạy học theo đường hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và hoạt động nghiên cứu chuẩn bị tài liệu ở nhà của sinh viên. Các hoạt động dạy - học bao gồm các buổi thuyết trình của sinh viên, thảo luận nhóm, seminar, phân tích tác phẩm, sáng tác thơ hoặc chuyện ngắn; các bài tập làm việc độc lập ở nhà. Dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên,	Tuần 1-12	4	10%
<i>B</i>	<i>Đánh giá định kỳ trong trường hợp học tập trực tiếp và học tập trực tuyến</i>			30%
	Bài thuyết trình môn Văn học Anh của sinh viên	Tuần 1-6	1,2,3,4, 5,6	15%
	Bài thuyết trình môn Văn học Mỹ của sinh viên	7-12	1,2,3,4, 5,6	15%
<i>C</i>	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>			
C.1	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>	Theo lịch của Học		60%

		viện		
	Bài thi viết		1,2,3,4, 5,6	
C.2	<i>Trong trường hợp học tập trực tuyến</i>	Tuần 14		
	Bài thi viết tiêu luận		1,2,3,4, 5,6	

Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)

1. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần:	Phân tích diễn ngôn
Tên học phần bằng tiếng Anh:	Discourse Analysis
Mã học phần:	NN02725
Học phần tiên quyết:	NN02720
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành tự chọn
Yêu cầu khác đối với học phần:	phòng học có máy chiếu và các thiết bị âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Phân bổ giờ tín chỉ:	Lý thuyết: 2,0 – Thực hành: 1,0
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ

2. Mục tiêu học phần:

Học phần nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về phân tích diễn ngôn bao gồm kiến thức về nghĩa và các phương pháp nghiên cứu phân tích diễn ngôn, đồng thời giúp người học có một kiến thức nhất định trong việc nghiên cứu, tiến hành các thao tác cơ bản của quá trình dịch thuật.

3. Chuẩn đầu ra

Stt	CDR môn học	PLO	Bậc
1	Khả năng phân tích, đánh giá tính logic của quy tắc trong liên kết ngôn bản và cấu trúc thông tin	4	5
2	Vận dụng được các quy tắc liên kết cơ bản vào việc nhận biết được các dạng liên kết trong các ngôn bản cụ thể	4,10	5
3	Vận dụng các khái niệm và quy tắc trong liên kết ngôn bản và cấu trúc thông tin đã nhận dạng được vào việc thể hiện ý nghĩ của bản thân trong các tình huống giao	4, 10	6

	tiếp cụ thể nhằm cải thiện khả năng sử dụng ngôn ngữ		
4	Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	13	4
5	Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.	14	4

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích diễn ngôn, liên kết và mạch lạc, các trường hợp cụ thể của các phương tiện liên kết, ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong việc hiểu và sản sinh diễn ngôn, chủ đề diễn ngôn và cách thể hiện nội dung của diễn ngôn và cấu trúc tổ chức của diễn ngôn.

5. Phương pháp dạy học:

Dạy học theo đường hướng lấy người học làm trung tâm, dạy học theo hướng dạy gắn với các hoạt động sinh viên thuyết trình, tự nghiên cứu, bài tập nhóm, thảo luận, phát huy tính tích cực, chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và hoạt động nghiên cứu chuẩn bị tài liệu ở nhà của sinh viên. Các hoạt động dạy - học bao gồm các giờ giảng lý thuyết, các buổi chuyên đề (workshop), các buổi sinh viên thảo luận, các hoạt động thực hành làm việc độc lập cũng như theo nhóm, phân tích các bài nghiên cứu phân tích diễn ngôn mẫu, v.v.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

<i>Stt</i>	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A.</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
1	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	4, 5	10%
<i>B.</i>	<i>Đánh giá định kỳ</i>			
<i>B.1</i>	<i>Trong trường hợp học tập trực tiếp</i>			
1	Bài thi kiểm tra giữa kì (Bài tập tình huống 1)	Tuần 6	1, 2, 3	30%
2	Bài thi kiểm tra giữa kì (Bài tập tình huống 2)	12	1, 2, 3	

B.2	Trong trường hợp học tập trực tuyến			
1	Regular assignments			
2	Bài thuyết trình theo nhóm Group presentation (breakout room)			
C.	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Bài thi viết	Tuần 14	1, 2, 3	60%

Ngữ nghĩa

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Ngữ nghĩa học
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English semantics
Mã học phần:	NN02726
Học phần tiên quyết:	NN02720
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành tự chọn phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Yêu cầu khác đối với học phần	Lý Thuyết :2.0 Thực hành: 1.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Giờ tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm mục đích trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa học bao gồm kiến thức và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học; sinh viên có thể vận dụng các kiến thức về ngữ nghĩa học để phân tích cách thức sử dụng ngôn ngữ trong các văn bản và đưa ra nhận định, đề xuất cho các vấn đề đơn giản từ góc độ ngữ nghĩa học.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CĐR môn học	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Hiểu được các khái niệm chính liên quan đến các vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa và mối quan hệ của các giữa các vấn đề cơ bản của môn học.	4	2
2	Nhận dạng được các hiện tượng ngữ nghĩa được giới thiệu trong môn học trong các văn bản cụ thể.	4	3
3	Vận dụng các khái niệm và công thức đã nhận dạng	11	3

	được vào việc thể hiện ý nghĩ của bản thân trong các tình huống giao tiếp cụ thể nhằm cải thiện khả năng sử dụng ngôn ngữ		
II	Kỹ năng		
4	Kỹ năng phân tích, nghiên cứu các vấn đề trong ngữ nghĩa học	10	4
5	Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm	13	5
6	Kỹ năng tra cứu, tự học, tự nghiên cứu	14	5
III	Thái độ		
7	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực và có khả năng hợp tác, cũng như làm việc độc lập cao.	15	5

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa. Các quan niệm truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, v.v ; Các quan hệ ý (sense relations); Quan niệm về mệnh đề và cú pháp lô gic ; Nghĩa của câu và của phát ngôn (bao gồm các cách nhìn nhận về hàm ngôn, tiền giả định..)

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng các cách tiếp cận dạy học trải nghiệm, dạy học tương tác và dạy học dựa trên nghiên cứu nhằm tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Đồng thời, dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu và thực hiện các bài thuyết theo nhóm. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
<i>I</i>	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	5, 6, 7	10%
<i>B</i>	<i>Đánh giá định kỳ (Áp dụng cho cả hình thức học online và trực tiếp)</i>			30%

1	Thuyết trình theo nhóm	Tuần 1-12	1,2,3,4	
C	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Bài tập lớn	Tuần 14	3,4,5,6,7	60%

Ngữ dụng (English Pragmatics)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Ngữ nghĩa học
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English pragmatics
Mã học phần:	NN02727
Học phần tiên quyết:	NN02726
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành tự chọn phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Yêu cầu khác đối với học phần	Lý Thuyết :2.0
Phân bổ giờ tín chỉ:	Thực hành: 1.0
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm mục đích trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ dụng học; khái niệm về một số phương hướng nghiên cứu ngữ dụng học trong giáo tiếp liên ngôn ngữ và làm nền tảng cho những môn học tiếp theo.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CĐR môn học (CLO)	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Hiểu được các khái niệm chính liên quan đến ngữ dụng học như sự quy chiếu, tiền giả định, hành động lời nói, hiển ngôn, hàm ngôn...	4	2
2	Nhận dạng được các hiện tượng ngữ dụng học được giới	4	4

	thiệu trong môn học trong các văn bản cụ thể.		
3	Vận dụng các kiến thức ngữ dụng học để phát hiện và đề xuất giải pháp cho các vấn đề trong văn bản ở cấp độ đơn giản.	4	6
II	Kỹ năng		
4	Kỹ năng phát hiện và phân tích các vấn đề trong ngữ dụng học	10	4
5	Có kỹ năng hợp tác cũng như làm việc độc lập cao.	13	4
III	Phẩm chất, thái độ		
6	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực	15	2

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các khái niệm về ngữ dụng và mối quan hệ giữa cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Các khái niệm cơ bản như sự quy chiếu, tiền giả định, hành động lời nói, hiển ngôn, hàm ngôn...; khái niệm văn bản và phân tích văn bản; khái niệm về liên kết và mạch lạc của văn bản; khái niệm về ngữ dụng học giao văn hoá

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học theo đường hướng giao tiếp, bao gồm các hoạt động học tập mang tính hợp tác cao. Đồng thời các giờ học được tổ chức giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tính chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ giảng lý thuyết và các buổi thực hành; dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CDR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
<i>I</i>	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập	Tuần 1-12	4,5	10%

	của sinh viên			
B	Đánh giá định kỳ			30%
1	Bài kiểm tra viết 1 (Progress test 1)	Tuần 6	1,2	
2	Bài kiểm tra viết 2 (Progress test 2)	12	2,3	
C	Đánh giá kết thúc học phần			
1	Bài thi viết	Tuần 14	1,2,3,4,	60%

Từ vựng học (English Lexicology)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Từ vựng học
Tên học phần bằng tiếng Anh:	English lexicology
Mã học phần:	NN02728
Học phần tiên quyết:	NN02720, NN02653
Vị trí và loại học phần:	Kiến thức ngành tự chọn phòng học có máy chiếu và các thiết âm thanh, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần
Yêu cầu khác đối với học phần	Lý Thuyết :2.0 = 30 giờ Thực hành: 1.0 = 30 giờ
Phân bổ giờ tín chỉ:	Giờ tự học: 90 giờ
Khoa phụ trách học phần:	Ngoại ngữ, Học viện Báo chí Và Tuyên truyền

2. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm mục đích trang bị cho sinh những kiến thức về đối tượng, mục tiêu, vai trò của từ vựng học, từ đó thấy được sự khác biệt giữa nó và các môn học khác về ngôn ngữ; hiểu được các khái niệm, hiện tượng, phân biệt được các loại từ, các mối quan hệ về từ và nghĩa, sự đa nghĩa của ngôn ngữ cũng như mối quan hệ giữa nghĩa và người sử dụng; xác định được ý nghĩa của từ, ngữ, câu và biết cách vận dụng các quy luật kết hợp từ, ngữ, câu để diễn đạt ý nghĩa.

3. Chuẩn đầu ra

STT	CĐR môn học (CLO)	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Phân tích các loại từ vựng, mối quan hệ về từ và nghĩa, sự đa nghĩa của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa nghĩa và người sử dụng	4	4
2	Vận dụng các kiến thức về từ vựng để diễn đạt ý	4	6

	nghĩa		
II	Kỹ năng		
3	Kỹ năng nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực ngữ nghĩa học	10, 14	5
4	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình	13	5
5	Kỹ năng làm việc nhóm, điều phối hoạt động nhóm	13	5
III	Thái độ		
6	Có thái độ chủ động, trách nhiệm, làm việc nghiêm túc và trung thực	15	5

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về khái niệm cơ bản và các vấn đề về từ vựng học, bao gồm nguồn gốc của từ vựng, bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ; hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng; cấu trúc âm vị và hình thái từ vựng; các mối quan hệ từ vựng; và nguồn gốc của từ vựng.

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng cách tiếp cận dạy học trải nghiệm, hợp tác và dựa trên nghiên cứu. Các hoạt động học tập bao gồm phân tích bài mẫu, thảo luận, hoạt động nghiên cứu, thuyết trình nhóm, thảo luận chuyên đề. Dạy học theo cách tiếp cận tích hợp, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và các hoạt động học tập trực tuyến. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu và thực hiện các dự án và thuyết trình theo nhóm. Trong điều kiện dịch bệnh không cho phép, hình thức học tập sẽ được chuyển sang hoàn toàn trực tuyến.

6. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp đánh giá	Thời gian	CĐR tương ứng	Trọng số điểm
<i>A</i>	<i>Đánh giá ý thức</i>			
<i>I</i>	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi-đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	Tuần 1-12	4,5,6	10%
<i>B</i>	<i>Đánh giá định kỳ (Trực tuyến hoặc trực tiếp)</i>			30%
1	Group project and presentation	Tuần 1-12	1,2,3,4,5,6	
<i>C</i>	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Trực tuyến hoặc trực tiếp)</i>			
1	Bài tập lớn	Tuần	1,2,3,4,5,6	60%

GIAO THOA VĂN HOÁ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần bằng tiếng Anh (nếu có): Cross-cultural communication
- Mã học phần: **NN02729**
- Số tín chỉ: 3
- **Học phần tiên quyết:** Cơ sở Văn hoá Việt Nam
- Loại học phần : Tự chọn
- Các yêu cầu khác đối với học phần:
- Phân bổ giờ tín chỉ:
 - + Giờ lý thuyết: 2 TC* 15 = 30
 - + Giờ thực hành: 1 TC* 30 = 30
 - + Giờ tự học: 90 giờ

Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Tổ Bộ môn Ngôn ngữ Anh

2. Mục tiêu của học phần

Học phần cung cấp cấp cho người học kiến thức cơ bản về các vấn đề có liên quan đến giao tiếp nội văn hoá, giao tiếp giao văn hoá và giao tiếp dụng văn hoá; bình diện phạm trù lịch sự dương tính – lịch sự âm tính cùng với các chiến lược giao tiếp; bình diện phạm trù trực tiếp- gián tiếp với các cách thức biểu hiện trong các cộng đồng ngôn ngữ-văn hoá khác nhau ...; giúp người học có khả năng sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và các ngôn ngữ khác một cách có hiệu quả trong cuộc sống cũng như trong công việc sau này.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

STT	CLO	PLO	Bậc
I	Kiến thức		
1	Vận dụng các kiến thức cơ bản về giao tiếp nội văn hoá, giao văn hoá và dụng văn hoá; các chiến	PLO 4	3

	lược lịch sự dương tính – lịch sự âm tính, hình thức diễn đạt ngôn ngữ trực tiếp – gián tiếp trong các cộng đồng ngôn ngữ - văn hoá khác nhau.		
2	Phân tích phương pháp tiếp cận giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá	PLO 4	5
II	Kỹ năng		
3	Hình thành kỹ năng giao tiếp với người đến từ những nền văn hoá khác nhau;	PLO 9	5
4	Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, so sánh và nghiên cứu các vấn đề về các nền văn hoá khác nhau trên thế giới;	PLO 10, 14	5
5	Phát triển kỹ năng làm việc, thuyết trình độc lập và theo nhóm trong môi trường vừa và nhỏ.	PLO 13	4
III	Thái độ, phẩm chất		
6	Xây dựng quan điểm nhân văn, biết tôn trọng và giữ gìn văn hoá, biết liên hệ và vận dụng một cách hiệu quả các kiến thức đã học vào cuộc sống, công việc.	PLO 15	4

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung về các vấn đề có liên quan đến giao tiếp nội văn hoá, giao tiếp giao văn hoá và đặc biệt là dụng văn hoá; bình diện phạm trù lịch sự dương tính – lịch sự âm tính cùng với các chiến lược giao tiếp; bình diện phạm trù trực tiếp- gián tiếp với các cách thức biểu hiện trong các cộng đồng ngôn ngữ-văn hoá khác nhau; kiến thức nền tảng qui xét nội văn hoá và giao văn hoá với 14 bình diện phạm trù và 14 thành tố giao tiếp và những phương pháp tiếp cận nội văn hoá và giao văn hoá.;

5. Phương pháp dạy học

Dạy học theo đường hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động của người học, kết hợp giữa các giờ học trên lớp và hoạt động nghiên cứu chuẩn bị tài liệu ở nhà của sinh viên. Các hoạt động dạy - học bao gồm các giờ giảng lý thuyết, các buổi